**Ngày soạn:1/10/2024**

**BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Thời gian thực hiện: 12 tiết**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức: Sau tiết học này, học sinh sẽ hiểu:**

- Đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ trên các phương diện: số tiếng, số dòng, vần, nhịp.

- Nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Kĩ năng đọc thể loại thơ (bốn chữ, năm chữ)

**2. Năng lực**

**Sau tiết học này, học sinh sẽ có:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân   - NL tự chủ và tự học: 80% biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập | - 100% nhận biết được một số đặc điểm của thơ 4 chữ, 5 chữ: vần, nhịp, cách dùng từ ngữ, hình ảnh, …  - 80% phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ.  - 80% đọc thuộc được những khổ thơ đặc sắc  - 70% phân tích được tình cảm cảm xúc của bài thơ; thông điệp của văn bản; nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - 60% đọc-hiểu được văn bản khác thuộc thể loại thơ bốn chữ, năm chữ |

**3. Phẩm chất: Sau tiết học này, học sinh biết:**

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

- Yêu thương con người, đoàn kết, sẻ chia.

- Tích cực học tập, có trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kĩ thuật* |
| thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, bình giảng,... | giao nhiệm vụ, động não, vấn đáp, trình bày một phút, tóm tắt tài liệu,.... |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo phiếu gợi dẫn/ phiếu học tập

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày dạy: 7.9/10/2024**

**Tiết : 17.18.19**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (cho toàn chủ đề)**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu:  + 100% HS có tâm thế hứng thú, sẵn sàng tiếp cận bài học  + 80% HS được kích hoạt tri thức nền về thể loại thơ  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Tia chớp  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời của HS | |
| **TRÒ CHƠI: THẢ THƠ (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra trò chơi: *THẢ THƠ*  - GV sẽ đưa ra những khổ thơ bị khuyết, HS sẽ quan sát và lựa chọn những câu thơ phù hợp.   |  |  | | --- | --- | | Câu 1. Nhớ dáng mẹ trưa hè  Trên cánh đồng quê xưa  ……………………….  Trọn đời con nhớ mãi | A. **Ôi dáng mẹ ngày xưa**  B. Dáng mẹ đẹp làm sao  C. Nhớ dáng mẹ ngày đông | | Câu 2. Từ ngày con thơ bé  Đến bây giờ lớn khôn  Tiếng ru hời khe khẽ  …………………….. | A. Ấm áp mãi trong lòng  B. In sâu đậm trong tim  **C. Vẫn thấm đượm trong hồn** | | Câu 3. Tình thương của cha  Lớn hơn trời xanh  ………………………  Lớn nhất trên đời | A. Lớn hơn rừng xanh  **B. Lớn hơn biển cả**  C. Lớn hơn đại dương | | Câu 4. Bồng ẵm cháu sớm chiều  ………………………  Tay bà là quạt gió  Thổi mát mỗi hè sang | **A. Từ khi còn rất nhỏ**  B. Khi cháu còn bé tí  C. Nuôi cháu lớn khôn | | Câu 5. Lưng mẹ còng rồi  …………………..  Cau - ngọn xanh rờn  Mẹ - đầu bạc trắng | A. Chồi xanh mơn mởn  **B. Cau thì vẫn thẳng**  C. Cây cau tươi tốt |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chọn câu thơ phù hợp nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV kết luận đúng/ sai; đưa ra dữ kiện bổ sung (nếu có). | HS có ấn tượng ban đầu về vẻ đẹp quê hương và sẵn sàng khám phá thể loại thơ bốn chữ, năm chữ. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:   * 100% HS hiểu và nhận biết một số đặc điểm cơ bản của thơ bốn chữ, năm chữ. * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 80% chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: think-pair-share  - Sản phẩm dự kiến: phiếu học tập số 1 | |
| **TÌM HIỂU TRI THỨC THỂ LOẠI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ (10’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra hoạt động: Think – pair - share  - HS làm việc cá nhân: Xem phần tri thức Ngữ văn SGK tr.43 và hoàn thành phiếu học tập số 1 trong thời gian 5 phút  - Trao đổi kết quả với bạn bên cạnh theo cặp trong 1 phút  - Chia sẻ kết quả với cả lớp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (phiếu học tập + trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung dựa trên bảng kiểm  - GV nhận xét, kết luận | * **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN** * **1. Thơ bốn chữ, năm chữ** * **a. Khái niệm thơ bốn chữ, năm chữ**   – Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ.  – Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ.   * **b. Một số đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  |  | **Thơ bốn chữ** | **Thơ năm chữ** | | **Giống** | \* Đều là những thể thơ gần gũi, thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè.  \* Sử dụng hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với kể chuyện.  \* Cách gieo vần   * **-** Vần chân: gieo ở cuối dòng thơ * + Vần liền: vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ * + Vẫn cách: vần không được gieo liên tiếp ở các dòng thơ mà thường cách ra 1 dòng thơ * - Vần lưng: gieo ở giữa dòng thơ * - Vần hỗn hợp: gieo không theo trật tự nào   \* Các dòng cùng khổ thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau  \* Không hạn chế số lượng dòng trong khổ, số lượng khổ trong bài. | | | | **Khác** | **Số chữ trong dòng** | 4 | 5 | | **Ngắt nhịp** | 2/2, 3/1, 1/3 | 2/3, 3/2, 1/4, 4/1 |   ***\* Vai trò của vần:***  + Liên kết các dòng và câu thơ,  + Đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang  + Giúp dễ nhớ, dễ thuộc câu thơ  ***\* Vai trò của ngắt nhịp:***Tạo sự hài hòa, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ   * **2. Trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ** * - Việc đọc hiểu văn bản phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh, trải nghiệm….của người đọc vì vậy mỗi người sẽ có những cách hiểu và cảm nhận khác nhau khi đọc cùng một bài thơ. |
| **NỘI DUNG 2: HOẠT ĐỘNG ĐỌC – KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  - Thời gian:  + 75 phút đọc - khám phá văn bản *Mẹ* (2 tiết bao gồm cả phần tìm hiểu tri thức ngữ văn)  + 90 phút đọc - khám phá văn bản *Ông đồ* (2 tiết)  - Mục tiêu:   * 100% nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ; xác định được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ… * 90% nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. * 80% hiểu được chủ đề của văn bản * 60% đọc - hiểu được văn bản khác thuộc thể loại thơ bốn chữ, thơ năm chữ * 60% nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp  - Sản phẩm dự kiến:   * Ghi chú trong khi đọc * Câu trả lời của HS * Phiếu học tập * Bài viết của HS | |
| **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN *MẸ (75’)*** | |
| **KHỞI ĐỘNG: *LỜI YÊU THƯƠNG* (7’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  (?) Thông điệp video muốn gửi gắm đến người xem là gì?  (?) Em đã bao giờ có hành động hay lời nói nào với mẹ giống bạn nhỏ trong video chưa? Hãy chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em về điều đó.  (?) Mỗi khi nghĩ về gia đình em thường có cảm xúc gì? Hãy chia sẻ cảm xúc đó với các bạn.  Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=ITfDFcEE43I>  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày câu trả lời (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt vào bài.  Tình mẫu tử là tình yêu của người mẹ dành cho những đứa con của mình, kể từ khi đứa con ấy chưa tượng hình đến lúc mẹ nhắm mắt xuôi tay. Mẹ mãi là ngọn lửa yêu thương, là bến bờ thương nhớ, là nguồn sức mạnh tinh thần tiếp bước con đi trong suốt cuộc đời.  *“Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào*  *Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào”*  Ca từ đơn sơ, mộc mạc, không hề cầu kỳ hay hoa mỹ, cùng những so sánh giản dị về tình mẹ với các hình ảnh thân thuộc trong đời sống thường ngày của người dân Việt Nam như biển, dòng suối, đồng lúa, ánh trăng, làn gió, sáo diều,... tất cả những điều đó cũng êm ả và thân thương như tình yêu của mẹ. Nhưng cũng chính những hình ảnh đời thường đó, bài thơ *Mẹ*  của tác giả Đỗ Trung Lai giúp người nghe cảm nhận được hết tình yêu thương bất tận, sự hy sinh vô bờ của người mẹ - những người ngược xuôi vất vả, một đời cực nhọc vì con cũng như những tình yêu , sự trân trọng biết ơn của con dành cho mẹ hiền. | **1. Chuẩn bị đọc**  - Kích hoạt tri thức nền về bài thơ *Mẹ,* tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản |
| **ĐỌC THÀNH TIẾNG VĂN BẢN(5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc thành tiếng văn bản*Mẹ*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản; thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc (theo dõi, dự đoán, chú thích, tưởng tượng)  - Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi theo dõi, dự đoán, tưởng tượng dừng lại 1 phút để suy ngẫm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1-2 HS chia sẻ về dự đoán của mình, những lời nhận xét của bản thân khi thực hiện các câu hỏi theo dõi trong văn bản  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của bạn dựa trên bảng kiểm  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS, thái độ của HS với việc đọc, việc trả lời câu hỏi theo dõi, câu hỏi dự đoán, câu hỏi tưởng tượng | **2. Đọc văn bản**  - HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc (chiến lược theo dõi, chú thích, chiến lược dự đoán, chiến lược tưởng tượng)  - HS giải thích được từ khó trong văn bản |
| **KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ  - 2 HS báo cáo phần tìm hiểu / chuẩn bị bài ở nhà (GV gọi ngẫu nhiên)  **Nhiệm vụ đã giao ở nhà:** Đọc văn bản *Mẹ* và hoàn thành phiếu học tập số 2  ? Tìm những thông tin chung về tác giả, văn bản và đặc điểm thể loại thơ 4 chữ được thể hiện trong văn bản *Mẹ*  - Thời gian trình bày: tối đa 2 phút/ HS (chỉ gọi tối đa 2 bạn trình bày)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - 2 HS trình bày kết quả thực hiện  - Các HS khác lắng nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đua ra kết luận**  + HS nhận xét, bổ sung bài cho nhau  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Khám phá văn bản**  **3.1 Tác giả, văn bản.**  - Nhà thơ, nhà báo Đỗ Trung Lai (1950)  + Quê quán: Mỹ Đức, Hà Nội  - Văn bản *Mẹ:*  + Xuất xứ: trích tập thơ *Đêm sông Cầu*  **3.2 Khám phá văn bản**  **a. Đặc điểm thơ bốn chữ được thể hiện trong bài thơ *Mẹ***  - Bài thơ gồm 5 khổ thơ, mỗi khổ thơ 4 dòng thơ.  - Số tiếng: 4 tiếng / dòng thơ  - Vần:   * Vần chân, vần cách: gieo ở cuối dòng thơ: thẳng - trắng, già - xa, mẹ - lệ,... * Vần lưng: gieo ở giữa dòng thơ: ngày - ngày, gần - gần, bổ - bổ, bé - mẹ..   - Nhịp: 2/2, 1/3  *Lưng mẹ / còng rồi*  *Cau thì / vẫn* ***thẳng***  *Cau / - ngọn xanh rờn*  *Mẹ / - đầu bạc* ***trắng***  *Ngày con / còn* ***bé***  *Cau* ***mẹ*** */ bổ tư*  *Giờ / cau bổ tám*  *Mẹ / còn ngại to* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa yêu cầu / câu hỏi:  **- Nhiệm vụ 1:**  (?) Nhân vật trữ tình (nhân vật giãi bày tình cảm) và đối tượng giãi bày tình cảm (đối tượng trữ tình) trong bài thơ *Mẹ* là ai? Dựa vào những từ ngữ nào để em nhận ra điều đó? Cảm xúc chủ đạo trong bài thơ là gì?  (?) Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh nào, trên những phương diện nào? Theo em, vì sao tác giả lại chọn hình ảnh đó?  - GV chia 4 nhóm HS,  - **Nhiệm vụ 2:** thực hiện phiếu học tập số 3 CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG, thời gian 7 phút, thảo luận theo cặp  (?) Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ. Để thể hiện hình ảnh mẹ và cau, tác giả sử dụng đặc sắc nghệ thuật nào? Hãy chỉ ra tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đó.  (?) Qua những chi tiết người con miêu tả hình ảnh mẹ, em cảm nhận được tình cảm gì?  (?) Trong những hình ảnh tác giả dùng để khắc họa người mẹ, em có ấn tượng sâu sắc với hình ảnh nào? Vì sao?  + GV gọi ngẫu nhiên 2 HS trình bày, thời gian trình bày 2 phút  **- Nhiệm vụ 3:** thảo luận theo cặp / bàn 5 phút, sau đó GV gọi đại diện nhóm HS trả lời:  (?) Chỉ ra và phân tích các từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ ở hai khổ cuối.  (?) Câu thơ *Cau gần với giời – Mẹ thì gần đất* gợi lên điều gì? Hai câu thơ khiến em liên tưởng đến câu thành ngữ / tục ngữ / ca dao dân gian nào?  (?) Phân tích giá trị biểu đạt của từ *nâng* và từ *cầm* trong câu: *Con nâng trên tay* / *Không cầm được lệ*  **- Nhiệm vụ 4**:  (?) Đề tài, chủ đề của bài thơ *Mẹ* là gì?  (?) Đã có khi nào em phải sống xa mẹ hay xa gia đình chưa? Cảm xúc của em khi ấy như thế nào?  **- Nhiệm vụ 5:** Quan sát những người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy người thân có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?  **- Nhiệm vụ 5:** Theo em, nhà thơ muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với em?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ 1: HS thực hiện theo nhóm  - Nhiệm vụ 2: HS thực hiện thảo cặp/ bàn  - Nhiệm vụ 3,4,5 HS trả lời cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả trên lớp (phiếu học tập; phần trình bày của HS)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện của các nhóm  Phiếu học tập số 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Hình dáng** | **Màu sắc** | **Chiều cao** | **Hành động** | **Biện pháp nghệ thuật, tác dụng** | | Cau | Thẳng, khô | Ngọn xanh rờn | Ngày càng cao, gần giời |  | - Nghệ thuật  + Đối lập: Giữa mẹ và cau trong dáng hình, màu sắc, chiều cao…  + Sử dụng các cặp từ trái nghĩa: cao- thấp, xanh – trắng, còng – thẳng  + So sánh: Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ  - Tác dụng của các biện pháp tu từ đó:  + Gợi lên một cách xót xa hình ảnh người mẹ khi già đi, biểu đạt niềm thương cảm của người con đối với mẹ.  + Làm cho bài thơ tăng tính gợi hình, biểu cảm. | | Mẹ | Còng, gầy | Đầu bạc trắng | Ngày một thấp,gần đất | Con bé – cau bổ tư  Hiện tai – cau bổ tám |   **- Nhiệm vụ 2**  Tình cảm của người con:   * ​Nâng: sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ. * Cầm: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ   => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.   * Với sự xót xa, con tự vấn trời đất cũng là tự vấn bản thân mình: Sao mẹ ta già?   => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ mở ra dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động dưng dưng.  **- Nhiệm vụ 4: Gợi ý**  Quan sát ông bà của mình qua năm tháng, em thấy ông bà ngày càng già đi, tóc ngày càng thêm bạc, sức khỏe ngày càng yếu hơn, trí nhớ cũng ngày càng kém, tai ngày càng nặng, khó nghe... Nhận ra những thay đổi này lòng em không khỏi mang nỗi buồn man mác. Em chỉ mong ông bà luôn luôn mạnh khỏe, không yếu không đau, không bệnh không tật để sống vui vẻ cùng con cháu. | **b. Nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình:**  - Nhân vật trữ tình: con  - Đối tượng trữ tình: mẹ  - Cảm xúc chủ đạo: Nỗi xót xa của người con khi mẹ ngày càng già yếu.  **c. Cảm xúc trữ tình**  ***\* Cảm nhận của con về hình ảnh mẹ***  - Hình ảnh mẹ:  + Lưng còng; đầu bạc trắng; ngày một thấp, gần đất; mẹ gầy  + Hành động: Con bé – cau bổ tư; hiện tại – cau bổ tám  - Nghệ thuật xây dựng hình ảnh:  + Đối lập (mẹ - cau)  + Sử dụng các cặp từ trái nghĩa: cao- thấp, xanh – trắng, còng – thẳng  + So sánh: Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ  → Hình ảnh người mẹ già yếu theo thời gian gợi bao nỗi xót xa  **\* *Người con giãi bày nỗi buồn, xót xa trước tuổi già của mẹ***  - Suy ngẫm*: miếng cau khô – khô gầy như mẹ*  - Hành động:   * ​*Nâng trên tay* - sự trân trọng, nâng niu miếng trầu - hình ảnh tượng trưng cho mẹ. * *Không cầm được lệ*: tình cảm dồn nén, chứa đựng bao xót xa, tình cảm của con dành cho mẹ   => Qua hình ảnh miếng cau khô, ta cảm nhận được nỗi niềm của con dành cho mẹ. Con thấu hiểu những khó nhọc, cay đắng của đời mẹ, trân trọng những hi sinh mẹ đã dành cho con nhưng không khỏi đau đớn trước những vất vả của mẹ.  + Câu hỏi: *Sao mẹ ta già?*  => Câu hỏi tu từ thể hiện sự vô vọng, sự bất lực của người con không thể níu kéo thời gian chậm lại, níu kéo mẹ ở lại mãi mãi bên con. "Mây bay về xa" như mái tóc mẹ hòa vào mây trắng. Lời thơ dư âm nghẹn ngào, nỗi xúc động rưng rưng.  **d. Đề tài, chủ đề, bài học**  - Đề tài: Tình mẫu tử  - Chủ đề: Ca ngợi tình yêu và sự hi sinh mẹ dành cho con  - Bài học:  + Hiếu thảo, kính trọng và biết ơn công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.  + Luôn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cha mẹ  + Trân trọng những giây phút cha mẹ còn ở bên cạnh mình bởi cuộc đời này rất ngắn. |
| **LUYỆN TẬP (15’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân, 10 phút  - GV giao nhiệm vụ: HS hoàn thành PHT số 4: Kết nối đọc - viết: Trong bài thơ *Mẹ* em thích nhất câu thơ hay hình ảnh nào nhất. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu chia sẻ cảm nhận của em về câu thơ / hình ảnh đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận  **\* Gợi ý:**  ***\* Mở đoạn:***   * Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả (nếu có) * Dẫn ra câu thơ / hình ảnh đặc sắc ở bài thơ   ***\* Triển khai đoạn:*** Trình bày cảm xúc về câu thơ / hình ảnh đặc sắc trong bài thơ  \*  ***Kết đoạn:*** Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về câu thơ / hình ảnh đặc sắc trong bài thơ. | **4. Luyện tập**  - Kết nối đọc - viết: Trong bài thơ *Mẹ* em thích nhất câu thơ hay hình ảnh nào nhất. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu chia sẻ cảm nhận của em về câu thơ / hình ảnh đó. |
| **VẬN DỤNG (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:  - Đọc mở rộng văn bản cùng thể loại: *Ông đồ*  - Khám phá văn bản *Ông đồ*  **Link** [**https://www.youtube.com/watch?v=V9Fe9pCqMpg**](https://www.youtube.com/watch?v=V9Fe9pCqMpg)  ? Xem video, ghi lại 3 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Vũ Đình Liên, bài thơ *Ông đồ* và cảm thấy hữu ích cho quá trình tiếp nhận văn bản *Ông đồ*, lí giải vì sao em cảm thấy hữu ích.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả trên lớp buổi sau  **Bước 4: Buổi sau GV đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận | **5. Vận dụng**  Đọc và tìm hiểu trước văn bản *Ông đồ* |
| **Ngày dạy: 9.14/10/2024**  **Tiết : 20.21**  **III. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN *ÔNG ĐỒ*** | |
| **KHỞI ĐỘNG:TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG *TƯ DUY NHẠY BÉN* (10’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  - Quan sát video và trả lời chùm câu hỏi “thử thách tư duy”  Link  <https://www.youtube.com/watch?v=m_C39TS2iGA>  1 - NHẠY: Trong video là khung cảnh của hoạt động gì? Khung cảnh ấy diễn ra trong không khí như thế nào?  2 – BÉN: Em đã từng thấy / tham gia hoạt động đó chưa? Ở đâu? Thời gian nào? Cảm xúc của em lúc đó ra sao?  3 – HIỂU: Ý nghĩa của hoạt động đó là gì?  4 – SÂU: Gia đình em có bao giờ thực hiện hoạt động đó không? Vì sao?  - **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ ý kiến trước lớp (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác bổ sung  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài  Không biết từ bao giờ, cứ chờ đến năm hết, Tết đến, xuân sang, trên khắp phố phường và khắp mọi miền quê, những ông đồ hay chữ, bày nghiên bút, giấy bản nhuộm điều, niềm nở đón người qua đường ghé xuống cầu xin con chữ. Người cho chữ là ông đồ túc nho và người xin chữ thường là những chủ nhà cầu mong những tin mừng và vận hội mới trong cuộc đời và đặc biệt là những nhà có người theo học, mong được con chữ của Thánh hiền, giáng ứng cho may mắn trong học hành thi cử. Khi xin được câu đối hay con chữ linh thiêng như ý, đem về nhà treo vào nơi trang trọng nhất, linh ứng nhất, dễ ngắm nhìn, để cầu nguyện thành đạt cho cuộc sống và cho học hành thi cử. Điều đó trở thành nét đẹp trong văn hóa học của các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam ta từ nhiều thế kỷ nay. Cách đây gần trọn một thế kỷ, nhà thơ Vũ Đình Liên, một vị túc Nho, đã từng chứng kiến những ông Đồ cứ Tết đến xuân về bày mực tàu giấy đỏ để cho bàn dân thiên hạ đến xin chữ, rồi cũng thật buồn khi không còn ai đến xin chữ ông Đồ nữa, và những ông Đồ biến mất lúc nào không ai hay! Bài thơ Ông Đồ như một hoài niệm vô cùng buồn và nhớ tiếc về ông Đồ từng ngồi cho chữ trên phố cổ, về một phong tục đẹp đã bị mai một bởi trào lưu Tây hóa không gì cưỡng nổi. | **1. Chuẩn bị đọc**  - Kích hoạt tri thức nền về VB *Ông đồ,* tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản |
| **ĐỌC THÀNH TIẾNG VĂN BẢN (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc thành tiếng hoàn chỉnh bài thơ.  (GV đọc mẫu 1 đoạn) (HS đọc trước ở nhà, trên lớp có thể thi đọc diễn cảm/ mỗi HS đọc 1 đoạn)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc nối tiếp.  - Trong quá trình đọc, vừa tưởng tượng vừa suy ngẫm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1-2 HS chia sẻ nhanh cảm xúc của mình sau khi đọc/ nghe bạn đọc bài thơ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của bạn dựa trên bảng kiểm  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS, thái độ của HS với việc đọc, việc theo dõi, việc liên tưởng. | **2. Đọc văn bản**  - HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc (chiến lược theo dõi, chú thích, chiến lược hình dung, tưởng tượng)  - HS giải thích được từ khó trong văn bản |
| **KHÁM PHÁ VĂN BẢN (60’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:  - **Nhiệm vụ 1:** 2 HS báo cáo phần tìm hiểu / chuẩn bị bài ở nhà (GV gọi ngẫu nhiên)  **Nhiệm vụ đã giao ở nhà:** ? Xem video, ghi lại 3 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Vũ Đình Liên, bài thơ *Ông đồ* và cảm thấy hữu ích cho quá trình tiếp nhận văn bản *Ông đồ*, lí giải vì sao em cảm thấy hữu ích.  - Thời gian trình bày: tối đa 1 phút/ HS (chỉ gọi tối đa 2 bạn trình bày)  **Link** [**https://www.youtube.com/watch?v=V9Fe9pCqMpg**](https://www.youtube.com/watch?v=V9Fe9pCqMpg)  **- Nhiệm vụ 2:** HS hoạt động nhóm  Tìm hiểu đặc trưng thể loại thơ năm chữ (Phiếu học tập số 1) theo cặp. trong thời gian 3 phút; 2 nhóm GV chọn ngẫu nhiên sẽ trình bày, mỗi nhóm trình bày tối đa 2 phút/ nhóm  **- Nhiệm vụ 3:** HS suy nghĩ và trả lời miệng  (?) Bài thơ *Ông đồ* viết về ai và về việc gì? Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ? Đó là cảm xúc, suy nghĩ gì?  **- Nhiệm vụ 4:** Hoàn thành cá nhân phiếu học tập số 2. Thời gian thảo luận 10 phút  Trình bày: 2 phút/ nhóm  (?) Phân tích hình ảnh ông đồ ngồi viết chữ nho ngày Tết trong hai khổ thơ đầu và hình ảnh của chính ông ở khổ 3, 4. Hãy so sánh để làm rõ sự khác nhau giữa hai hình ảnh đó. Sự khác nhau này gợi cho người đọc cảm xúc gì về tình cảnh ông đồ?  **- Nhiệm vụ 5:** HS suy nghĩ và trả lời miệng  (?) *Giấy đỏ buồn không thắm;*  *Mực đọng trong nghiên sầu...*  *Lá vàng rơi trên giấy;*  *Ngoài giời mưa bụi bay.*  Theo em, những câu thơ đó tả cảnh hay tả tình? Vì sao?  (?) Các hình ảnh ở khổ thơ đầu và cuối có gì giống và khác nhau? Cách sắp xếp hình ảnh như vậy có ý nghĩa gì?  (?) Nêu một số nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ; Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung, chủ đề tác phẩm.  **- Nhiệm vụ 6:**  (? ) Qua bài thơ *Ông đồ*, em hiểu gì về tục "xin chữ" mỗi dịp Tết đến, xuân về?  (?) Nếu vẽ minh họa cho bài thơ, em sẽ vẽ hình ảnh nào? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ 1,3,5: HS trả lời miệng  - Nhiệm vụ 2: HS thảo luận nhóm (Phiếu học tập số 1)  - Nhiệm vụ 4: HS làm cá nhân (phiếu học tập số 2)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Nhiệm vụ 1,3,4, 5: HS báo cáo kết quả trên lớp cá nhân  - Nhiệm vụ 2: Địa diện nhóm HS trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung, đặt câu hỏi  - GV nhận xét, kết luận   |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | Nhân hóa: *Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu.* | * Mực và nghiên trở nên có tri giác, có hồn, cũng biết sầu * Mực và nghiên có hồn, trở thành vật đại diện cho nghệ thuật thư pháp, có hệ thống quy tắc, lịch sử rõ ràng, có những tinh túy, vẻ đẹp riêng * Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, cho thấy việc lãng quên những giá trị truyền thống không chỉ khiến văn hóa mai một, làm buồn lòng những thế hệ trước mà đến cả những vật tưởng như vô tri, vô giác cũng phải buồn. | | Câu hỏi tu từ:   * *Người thuê viết nay đâu?"* * *Những người muôn năm cũ* * *Hồn ở đâu bây giờ?* | * Thể hiện sự chê trách những người đã bỏ quên giá trị xưa cũ * Khơi gợi cảm nhận và suy nghĩ trong lòng người đọc về những giá trị xưa cũ đang bị lãng quên | | So sánh:  *Hoa tay thảo những nét*  *Như phượng múa rồng bay* | * Nét chữ vô cùng đẹp và phóng khoáng . * Tác giả kính trọng , ngưỡng mộ , trân trọng những nét văn hóa đẹp cổ truyền của dân tộc | | Kết cấu đầu cuối tương ứng:  Mở đầu: *Mỗi năm hoa đào nở - Lại thấy ông đồ già,*  Cuối bài: *Năm nay hoa đào lại nở - Không thấy ông đồ xưa.* | * Thể hiện quá trình tàn tạ, suy sụp của nền nho học. Làm nổi bật chủ đề của bài thơ, từ đó khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc về một văn hóa truyền thống giờ đây đã bị thay đổi. | | **3. Khám phá văn bản**  **3.1 Tác giả, văn bản**  - Vũ Đình Liên (1913 - 1996)  + Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới  - Bài thơ *Ông đồ:*  + Xuất xứ: Báo *Tinh hoa* (1936), Thi nhân Việt Nam (1942)  **3.2 Khám phá văn bản**  **a. Đặc điểm thơ năm chữ thể hiện trong bài *Ông đồ***  - Bài thơ gồm 5 khổ thơ, mỗi khổ thơ 4 dòng thơ.  - Số tiếng: 5 tiếng / dòng thơ  - Vần:  + Vần chân: gieo ở cuối dòng thơ: già - qua, tài - bay, đâu - sầu, đấy - giấy, hay - bay, nở - giờ,...  + Vần lưng: gieo ở giữa dòng thơ: ông - đông, rơi - trời, ..  - Nhịp: 3/2, 2/3  *Mỗi năm / hoa đào nở*  *Lại thấy / ông đồ già*  *Bày mực tàu / giấy đỏ*  *Bên phố / đông người qua*  **b. Nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình**  - Nhân vật trữ tình: Ẩn mình  - Đối tượng trữ tình: Ông đồ  - Mạch cảm xúc: niềm cảm thương sâu sắc đối với một lớp người đang trở nên lạc lõng và bị gạt ra ngoài lề cuộc đời; là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp chơi chữ truyền thống của dân tộc bị tàn phai.  **c. Cảm xúc trữ tình**  ***- Hồi tưởng về hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh vượng:***  + Khung cảnh   * Hoa đào nở * Phố đông   + Hành động:   * Bày mực tàu, giấy đỏ - Đồ dùng chủ yếu của các nhà Nho. * Thảo những nét   + Thái độ của mọi người   * Bao người thuê viết * Tấm tắc khen tài   + Nghệ thuật: phép so sánh, hoán dụ,  => Trong không gian nhộn nhịp, **tươi vui** của phố phường những ngày đầu xuân với sắc thắm hoa đào, giấy đỏ, hình ảnh ông đồ xuất hiện như một điều hiển nhiên, lặp đi lặp lại tuần hoàn, trong sự n**gưỡng mộ, mến yêu, trân trọng** của mọi người.  ***- Ngậm ngùi trước hình ảnh ông đồ thời Nho học suy tàn.***  + Khung cảnh:   * Mỗi năm mỗi vắng * Người thuê viết nay đâu? * Giấy đỏ, mực, nghiên buồn bã * Lá vàng rơi, mưa bụi bay   + Hành động: ông đồ vẫn ngồi đó  + Thái độ của mọi người: thờ ơ - *Qua đường không ai hay*  → Nghệ thuật: Tả cảnh ngụ tình  → Vẫn là ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy, nhưng giờ đây không ai thuê viết, không ai ngưỡng mộ tài năng, học vấn của họ nữa. Trong khung cảnh ngày xuân, hình ảnh ông đồ hiện lên đìu hiu, buồn bã, lẻ loi giữa phố đông.  **- *Niềm xót xa khi chứng kiến hình ảnh ông đồ bị lãng quên:***  - Thời gian: đào lại nở  - Cảm xúc:   * *Không thấy ông đồ xưa* * *Người thuê viết nay đâu?* * *Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ?*   - Nghệ thuật: Câu hỏi tu từ, tương phản đối lập (cảnh - tình)  🡪 Hình ảnh ông đồ vốn là một hình ảnh quen thuộc mỗi khi Tết đến xuân về, vốn là niềm ngưỡng mộ về tài năng, học vấn của mọi người đến nay lại không còn được mọi người quan tâm, lại bị gạt ra bên lề xã hội, bị quên lãng nhanh chóng.  **d. Đề tài, chủ đề, bài học**  - Đề tài: ông đồ  - Chủ đề: Niềm cảm thương chân thành trước một lớp người đang tàn lụi và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa  - Bài học: Hãy trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa cổ truyền tốt đẹp. |
| **LUYỆN TẬP (13’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:  - HS hoàn thành PHT số 3 Kết nối đọc - viết  - Thời gian: 8 phút  - GV gọi ngẫu nhiên 2 HS trình bày, mỗi HS trình bày 2 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc (phiếu học tập số 3)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận  \* Gợi ý  **\* Gợi ý:**  ***\* Mở đoạn:***Giới thiệu một văn hóa truyền thống đang bị mai một  ***\* Triển khai đoạn:***  + Những giá trị văn hóa truyền thống đó đem lại.  + Hiện trạng bị mai một của truyền thống văn hóa  + Giải pháp để giữ gìn, bảo tồn giá trị văn hóa  \*  ***Kết đoạn:*** Liên hệ bài học/ cảm xúc của người viết | **4. Luyện tập**  - Kết nối đọc - viết: Nhiều giá trị văn hóa truyền thống hiện nay đang có nguy cơ bị mai một, biến dạng, hoặc chưa được gìn giữ và phát huy đúng mức, rất cần được hướng dẫn, hỗ trợ để bảo tồn, phát huy trong cuộc sống đương đại. Em hãy lựa chọn một văn hóa truyền thống đã / đang bị mai một, viết đoạn văn 6-8 câu đưa ra giải pháp để giữ gìn, bảo tồn giá trị văn hóa đó. |
| **VẬN DỤNG (2’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập:  - Đọc mở rộng văn bản cùng thể loại: *Tiếng gà trưa* theo phiếu gợi dẫn (phiếu học tập số 1)  ? Xem video, ghi lại 1 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Xuân Quỳnh  ? Đọc văn bản *Tiếng gà trưa*, nêu ấn tượng ban đầu của em khi vừa đọc văn bản; xác định đặc điểm của thể thơ chữ được thể hiện trong bài thơ  Link <https://www.youtube.com/watch?v=uOwj6s9S2Y8>  - Buổi sau báo cáo sản phẩm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả trên lớp buổi sau  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  Buổi sau:  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **5. Vận dụng**  Đọc mở rộng văn bản cùng thể loại: *Tiếng gà trưa* |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ**  - Thời gian: 90 phút đọc-khám phá văn bản *Tiếng gà trưa* (2 tiết)  - Mục tiêu:   * 100% nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. * 90% nêu được ấn tượng chung về văn bản * 80% nêu được tình cảm, cảm xúc được gợi ra từ văn bản   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp  - Sản phẩm dự kiến:   * Ghi chú trong khi đọc * Câu trả lời của HS * Phiếu học tập * Bài viết của HS | |
| **Ngày dạy :16/10/2024**  **Tiết 23.24**  **IV. VĂN BẢN *TIẾNG GÀ TRƯA*** | |
| **KHỞI ĐỘNG:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  (?) Hãy chia sẻ cùng bạn bè về kỉ niệm với những người thân trong gia đình mà em nhớ nhất.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS chia sẻ trải nghiệm, suy nghĩ của mình.(trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV tổng kết, dẫn vào bài học.  Kỉ niệm là những khoảnh khắc đã xảy ra trong quá khứ mà ta luôn ghi nhớ. Dù nhỏ dù lớn, dù ít dù nhiều, mỗi kỉ niệm đều chứa đựng trong đó những giá trị, sức mạnh lớn lao. Nó luôn tồn tại, luôn hiện hữu và tác động lên chính cuộc sống của mỗi người. Người ta bảo kỉ niệm là thứ đáng trân trọng nhất, bởi vì nó là duy nhất và không bao giờ trở lại. Trong cuộc đời mình, chẳng ai sống mà không có hay không cần những kỉ niệm, bởi “còn kỉ niệm là còn tâm hồn, còn nhớ, và còn biết thương chính mình.” Trong bài thơ *Tiếng gà trưa* của tác giả Xuân Quỳnh âm thanh tiếng gà là một nốt trầm sâu lắng, da diết của người lính trên bước đường hành quân gian khổ, khơi dậy những kỉ niệm, của hồi ức, của tình bà cháu thiêng liêng bất diệt. Những kỉ niệm với các hình ảnh giản dị mà xúc động như tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ. | 1. **1. Chuẩn bị đọc**   - Kích hoạt tri thức nền về văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản  - Sử dụng chiến thuật dự đoán trước khi đọc  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản |
| **ĐỌC VĂN BẢN (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc thành tiếng hoàn chỉnh bài thơ.  (GV đọc mẫu 1 đoạn) (HS đọc trước ở nhà, trên lớp có thể thi đọc diễn cảm/ mỗi HS đọc 1 đoạn)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc nối tiếp.  - Trong quá trình đọc, vừa tưởng tượng vừa suy ngẫm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1-2 HS chia sẻ nhanh cảm xúc của mình sau khi đọc/ nghe bạn đọc bài thơ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của bạn dựa trên bảng kiểm  - GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS, thái độ của HS với việc đọc, việc theo dõi, việc liên tưởng. | **2. Đọc văn bản**  - HS biết vận dụng các chiến lược trong khi đọc (chiến lược theo dõi, chú thích, chiến lược dự đoán, chiến lược tưởng tượng)   1. - HS giải thích được từ khó trong văn bản |
| **KHÁM PHÁ VĂN BẢN (40’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:** 2 HS báo cáo phần tìm hiểu / chuẩn bị bài ở nhà (GV gọi ngẫu nhiên)  **Nhiệm vụ đã giao ở nhà: Phiếu học tập số 1**  ? Xem video, ghi lại 1 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Xuân Quỳnh  Link <https://www.youtube.com/watch?v=uOwj6s9S2Y8>  ? Ấn tượng / cảm xúc ban đầu khi em đọc văn bản *Tiếng gà trưa* là gì?  - Thời gian trình bày: tối đa 2 phút/ HS (chỉ gọi tối đa 2 bạn trình bày)  **- Nhiệm vụ 2:** HS thảo luận cặp / bàn, thời gian 5 phút Hoàn thành PHT số 2   * Thời gian trình bày: 3 phút / nhóm * Em hiểu người xưng "cháu" trong bài thơ là ai, bộc lộ cảm xúc gì? Với ai? Cảm xúc đó được khơi gợi từ điều gì? * "Tiếng gà trưa" đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ? Em ấn tượng với hình ảnh hoặc kỷ niệm nào nhất? Vì sao? * Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết nào? Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về người bà và những tình cảm người cháu dành cho bà? * Bài thơ làm theo thể 5 chữ, nhưng có những chỗ biến đổi khá linh hoạt. Em có nhận xét gì về cách gieo vần, về số câu thơ trong mỗi khổ? * Câu thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần trong bài ở những vị trí nào và có tác dụng ra sao?   **- Nhiệm vụ 3:** Theo em, vì sao chúng ta luôn nghĩ về những người thân trong gia đình mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn?  - **Nhiệm vụ 4:** Đề tài, chủ đề của bài thơ là gì? Thông điệp nào từ bài thơ có ý nghĩa nhất với em? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 100% HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân theo phiếu gợi dẫn (chuẩn bị ở nhà trước đó) và theo nhóm (trên lớp) theo hướng dẫn yêu cầu từng nhiệm vụ của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Nhiệm vụ 1: 2 HS báo cáo  - Nhiệm vụ 2: HS chấm chéo sản phẩm  - Nhiệm vụ 3: HS báo cáo kết quả theo nhóm (phiếu học tập số 1). Thảo luận 5p, báo cáo tối đa 3p/ nhóm. Thời gian còn lại dùng để trao đổi, nhận xét và GV kết luận.  - Nhiệm vụ 4: HS trả lời miệng  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận | **3. Khám phá văn bản**  **3.1 Tác giả, văn bản**  - Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  + Là cây bút nữ nổi tiếng của văn học hiện đại Việt Nam.  - Văn bản: in trong tập “*Hoa dọc chiến hào*” (1968)  **3.2 Khám phá văn bản**  **a. Đặc điểm thơ năm chữ thể hiện trong bài thơ *Tiếng gà trưa***  - Bài thơ gồm 7 khổ thơ, mỗi khổ thơ 4 dòng thơ.  - Số tiếng: 5 tiếng / dòng thơ  - Vần:  + Vần chân: gieo ở cuối dòng thơ: ta - xa, trắng - nắng, mắng - lắng, tới - mới, quốc - thuộc,...  + Vần lưng: gieo ở giữa dòng thơ: gà -bà, bà - mà, quần - quần, gió - lo,....  - Nhịp: 3/2, 2/3  *Trên đường / hành quân xa*  *Dừng chân / bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai / nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác / cục ta”*  *Nghe xao động / nắng trưa*  *Nghe bàn chân / đỡ mỏi*  *Nghe gọi về / tuổi thơ*  **b. Nhân vật, đối tượng trữ tình và mạch cảm xúc**  - Nhân vật trữ tình: Người cháu – người chiến sĩ  - Đối tượng trữ tình: Người bà  - Mạch cảm xúc: Tiếng gà gợi về những kỉ niệm tuổi thơ, hình ảnh người bà với tình yêu, sự chắt chịu chăm lo cho cháu, và đi vào cuộc chiến đấu cùng người chiến sĩ, khắc sâu thêm tình cảm với quê hương, đất nước.  **c. Cảm xúc trữ tình trong thơ**  ***\* Hình ảnh và kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ được tiếng gà trưa gợi lại:***  - Hoàn cảnh:  + Không gian: Bên xóm nhỏ, trên đường hành quân  + Thời gian: buổi trưa  + Tiếng gà trưa nhảy ổ  → Âm thanh quen thuộc, bình dị bỗng vang vọng đường làn xóm nhỏ thân thương đánh thức những kỉ niệm tuổi thơ của người lính xa nhà.  - Kỉ niệm tuổi thơ:  + Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng đẹp xinh  + Kỉ niệm tò mò xem gà đẻ trứng bị bà mắng.  + Hình ảnh người bà tần tảo, chắt chiu cho cháu bộ quần áo mới  + Giấc ngủ tuổi thơ với ước mong tươi đẹp hồn nhiên  → Những kỉ niệm ùa về như cơn lũ trong tâm trí  🡪 Tiếng gà là thanh âm quen thuộc của làng quê thanh bình, của kí ức đẹp tươi đã thức dậy nỗi nhớ thường trực về gia đình, quê hương về tuổi thơ hồn nhiên, êm ấm.  ***\* Hình ảnh người bà chịu thương chịu khó hiện về trong tâm trí người chiến sĩ***  - Lo cho cháu, mắng yêu cháu: *“Gà đẻ mà mày nhìn/ Rồi sau này lang mặt”-*  - Tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo: *Tay bà khum soi trứng/ Dành từng quả chắt chiu*  - Dành dụm, chi chút để *cuối năm bán gà, cháu được quần áo mới.*  - Lo khi đông tới đàn gà toi, cháu tết không có quần áo mới.  ⟹ Bà chắt chiu, chăm lo, yêu thương cháu; luôn dành những thứ tốt nhất cho cháu - Tình yêu thương giản dị, thầm lặng.  → Nỗi nhớ da diết người bà tần tảo sớm hôm càng khắc sâu niềm yêu quý, kính trọng, biết ơn bà của người chiến sĩ.  ***- Tiếng gà gợi những suy nghĩ của người chiến sĩ trên đường ra trận***  + Điệp từ “*vì”,* phép liệt kê: lý tưởng chiến đấu  + Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình yêu tổ quốc.  ⟹ Nỗi nhớ khắc sâu hình ảnh quê hương, trở thành động lực thôi thúc người chiến sĩ cầm súng lên đường.  **d. Đề tài, chủ đề, bài học**  - Đề tài: Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước  - Chủ đề: Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.  - Bài học: Bài thơ *Tiếng gà trưa* gợi những kỉ niệm dấu yêu thời thơ ấu và tình bà cháu thắm thiết. Những tình cảm, kỉ niệm đó không bao giờ phai mờ trong tâm trí người cháu, bởi đó là tình cảm gia đình, ruột thịt, tình cảm quê hương, cội nguồn không thể thiếu được trong cuộc sống của mỗi người. |
| **LUYỆN TẬP (30’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:** Nêu kinh nghiệm đọc thể thơ năm chữ  **- Nhiệm vụ 2:** Dự án học tập mở rộng đọc – viết kết nối: YÊU THƯƠNG BÌNH DỊ  + Hãy làm tấm thiệp yêu thương: vẽ chân dung/ ảnh bà và những lời chúc/ lời bày tỏ tình cảm yêu thương em muốn gửi gắm đến bà của mình.  + HS phác thảo trên lớp và về nhà tiếp tục hoàn thiện sản phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả nhiệm vụ 2 vào tiết sau  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét | **4. Luyện tập**  - Nêu kinh nghiệm đọc thể thơ năm chữ   |  | | --- | | 1. Tìm và nhận xét hiệu quả của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và vần, nhịp được sử dụng. | | 2. Xác định tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua bài thơ. | | 3. Xác định chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc |   - Sản phẩm sáng tạo Đọc – viết kết nối: Hãy làm tấm thiệp yêu thương: vẽ chân dung/ ảnh bà và những lời chúc/ lời bày tỏ tình cảm yêu thương em muốn gửi gắm đến bà của mình. |
| **VẬN DỤNG (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  - Đọc mở rộng văn bản cùng thể loại: *Một mình trong mưa*  - HS trả lời một số câu hỏi: Tìm hiểu một số thông tin về tác giả, tác phẩm *Một mình trong mưa*:  (?) Tìm trên internet / sách báo và ghi lại 1 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Đỗ Bạch Mai  (?) Nêu ấn tượng ban đầu của em khi đọc văn bản *Một mình trong mưa*  (?) Tìm hiểu đặc điểm thơ bốn chữ được thể hiện trong bài *Một mình trong mưa*  (?) Xác định nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình và cảm xúc chủ đạo trong bài thơ *Một mình trong mưa*  - Buổi sau trả lời  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả trên lớp  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận | **5. Vận dụng**   1. Đọc mở rộng văn bản *Một mình trong mưa* |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**  - Thời gian: 45 phút đọc-khám phá văn bản *Một mình trong mưa* (1 tiết)  - Mục tiêu:   * 90% nêu được ấn tượng chung về văn bản * 80% nêu được tình cảm, cảm xúc được gợi ra từ văn bản   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp  - Sản phẩm dự kiến:   * Câu trả lời của HS * Sản phẩm sáng tạo của HS * Bài viết của HS | |
| **V. TỰ ĐÁNH GIÁ**  **KHÁM PHÁ VĂN BẢN *MỘT MÌNH TRONG MƯA*** | |
| **KHỞI ĐỘNG (7’): GIAI ĐIỆU TRÁI TIM**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:**  + Lắng nghe bài hát sau, và trả lời các câu hỏi:   * Cảm xúc đầu tiên của em khi nghe bài hát này là gì? * Âm hưởng và giai điệu của bài hát thế nào? * Nghe bài hát này em nhớ đến ai? Chia sẻ nhanh một kỉ niệm của em với người đó.   - Link <https://www.nhaccuatui.com/bai-hat/mot-minh-trong-mua-van-khanh.zDs3z4QoBaJk.html>  **- Nhiệm vụ 2**: 2 HS báo cáo phần tìm hiểu / chuẩn bị bài ở nhà (GV gọi ngẫu nhiên)  **Nhiệm vụ đã giao ở nhà:**  (?) Tìm trên internet / sách báo và ghi lại 1 thông tin em ấn tượng về nhà thơ Đỗ Bạch Mai  (?) Nêu ấn tượng ban đầu của em khi đọc văn bản *Một mình trong mưa*  (?) Tìm hiểu đặc điểm thơ bốn chữ được thể hiện trong bài *Một mình trong mưa*  (?) Xác định nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình và cảm xúc chủ đạo trong bài thơ *Một mình trong mưa*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Nhiệm vụ 1: HS trả lời cá nhân (trả lời miệng)  - Nhiệm vụ 2: HS báo cáo sản phẩm chuẩn bị ở nhà  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét dẫn dắt vào bài học.  Tình mẫu tử - một chủ đề quen thuộc với những ai học văn trên khắp thế giới. Tình yêu thương là sự lo lắng của đấng sinh thành dành cho những đứa con của mình – đó có thể là tình cảm trong sáng nhất của con người.“Cha mẹ nuôi con chẳng mong ngày đền đáp”. Và trong cái khung cảnh lạnh lẽo, lầy lội của bức ảnh trước mắt khi mẹ dắt con đi trong mưa, tôi không hề cảm thấy sự cô đơn, lạc lõng. Bởi ở đây có hiện diện của tình mẫu tử trong hình dáng mộc mạc và đẹp nhất của nó. Ca ngợi người mẹ có vô vàn lời thơ lời văn còn đồng cảm chia sẻ với nỗi cực khổ vất vả của mẹ thì lại ít người nhắc tới. Đồng cảm với nỗi vất vả cực nhọc của người mẹ, Đỗ Bạch Mai đã viết lên bài thơ *Một mình trong mưa*. | 1. **1. Chuẩn bị đọc**   - Kích hoạt tri thức nền về văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản  - Sử dụng chiến thuật dự đoán trước khi đọc  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản |
| **ĐỌC VĂN BẢN (5’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc diễn cảm văn bản*Một mình trong mưa*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1-2 HS nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét về kĩ năng đọc diễn cảm của bạn dựa trên bảng kiểm | **2. Đọc văn bản**  - HS biết vận dụng các chiến lược trong khi đọc (chiến lược theo dõi, chú thích, chiến lược dự đoán, chiến lược tưởng tượng)  - HS giải thích được từ khó trong văn bản |
| **KHÁM PHÁ VĂN BẢN (20’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:** GV chọn 2 đội chơi để tranh tài  - Hai đội chơi sẽ phất cờ để giành quyền trả lời.  GV tổ chức trò chơi NHÌN NHANH – ĐOÁN TRÚNG: Quan sát câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng nhất. Mỗi câu trả lời đúng được 1 sao  **Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?  A. Lục bát  **B. Bốn chữ**  C. Năm chữ  D. Tự do  **Câu 2.** Các dòng trong bài thơ chủ yếu được ngắt nhịp như thế nào?  A. 1/3  B. 3/1  **C. 2/2**  *D. 1/1/2*  **Câu 3.** Cách gieo vần của bài thơ thuộc loại nào?  A. Vần liên  B. Vẫn cách  **C. Vần hỗn hợp**  D. Vần chân  **Câu 4.** Bài thơ có thể được xếp vào nhóm đề tài nào?  **A. Tình mẹ con**  B. Tình cha con  C. Tình bà cháu  D. Tình vợ chồng  **Câu 5.** Hình ảnh “cò” trong bài thơ có thể tượng trưng cho ai?  A. Người mẹ  B. Người cha  C. Người vợ  D. Người chồng  **Câu 6.** Bài thơ không nhằm nhấn mạnh đặc điểm nào của “cò”?  A. Vất vả, chịu thương chịu khó  B. Thương con, hi sinh vì con  C. Cô đơn, lẻ loi một mình  **D. Đảm đang, tháo vát**  **Câu 7.** Qua bài thơ, tác giả chủ yếu dành cho “cò” thái độ, tình cảm gì?  A. Kính trọng, nể phục  **B. Đồng cảm, xót thương**  C. Ngưỡng mộ, ngợi ca  D. Yêu mến, sẻ chia  **Câu 8.** Biện pháp tu từ nào không có trong bài thơ trên?  A. Ẩn dụ  B. Tương phản  **C. So sánh**  D. Điệp cấu trúc  **Câu 9.** Từ nào sau đây là từ ghép?  A. Lận đận  B. Bơ vơ  C. Khắc khoải  **D. Lặn lội**  **- Nhiệm vụ 2:** ? Hình ảnh thân cò trong bài thơ khiến em liên tưởng đến ai?  ? Tìm các chi tiết miêu tả hình ảnh thân cò. Qua các chi tiết đó, hình ảnh thân cò hiện lên với những đặc điểm như thế nào?  ? Em hiểu *“Cò đừng mỏi cánh / Cố về với con”* được nhắc đến trong khổ thơ thứ 3 là gì?  ? Tìm và nêu các dụng của các cặp từ trái nghĩa có trong bài thơ.  ? Bài thơ đã gợi cho em những cảm nhận gì về hình ảnh “thân cò” và cảm xúc của người viết?- HS hoàn thành đoạn văn thời gian: 5 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ 1: HS thực hiện theo cá nhân  - Nhiệm vụ 2: HS thực hiện cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Nhiệm vụ 1: Đội chơi phất cờ giành quyền trả lời  - Nhiệm vụ 2: HS trả lời miệng  - Nhiệm vụ 3: Trình bày 2 phút/ HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GVnhận xét, đánh giá | **3. Tự đánh giá**  **3.1 Trả lời trắc nghiệm**   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | B | | 2 | C | | 3 | C | | 4 | A | | 5 | A | | 6 | D | | 7 | D | | 8 | C | | 9 | D |   **3.2 Đọc hiểu văn bản**  **a. Nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình**  - Nhân vật trữ tình: Ẩn mình  - Đối tượng trữ tình: cò - người mẹ  **b. Cảm xúc trữ tình**  **\* Sự đồng cảm, xót thương cho số phận và cuộc đời cơ cực của “cò”**  - Hình ảnh "cò":  + Thân cò lận đận  + Một mình nuôi con  + Một mình một lối: Đồng dọc đồng ngang, Đồng trên đồng dưới, Đồng xa đồng gần  + Một mình trong mưa: Đằng đông chớp bể, Đằng tây mưa nguồn  + Thân cò lặn lội, tối tăm mịt mù  + Thân cò bước thấp bước cao  - Nghệ thuật:  + Sử dụng từ trái nghĩa: *ngang - dọc, trên - dưới, xa - gần, đông - tây* không gian như được mở rộng ra, hình ảnh thân "cò" nhỏ bé giữa không gian mênh mông, nổi bật lên những khó khăn, gian lao vất vả mà "cò" phải đối diện  + Điệp cấu trúc *Đồng... đồng..., Cò đừng... , Đằng..., Một mình..., Cò về..*. càng nhấn mạnh những hi sinh và nhọc nhằn của "cò".  → Hình ảnh cò vất vả chịu thương chịu khó, thương con, hi sinh vì con nhưng cô độc, lẻ bóng một mình, cũng chính là hình ảnh của người mẹ tảo tần vất vả hi sinh.  Qua bài thơ, em thấy được tình cảm yêu thương tha thiết, sự trân trọng của nhà thơ đối với người mẹ kính yêu.  **c. Đề tài, chủ đề**  - Đề tài: Tình mẫu tử  - Chủ đề: Mượn hình ảnh cò để nói về mẹ, nói về sự vất vả, cực nhọc, cô đơn lẻ loi của người mẹ. Ca ngợi, đồng cảm và chia sẻ nỗi cơ cực, vất vả của mẹ đã luôn hi sinh vì con cái. |
| **LUYỆN TẬP (10’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:** HS hoàn thành PHT số 1: Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Một mình trong mưa.*  - **Nhiệm vụ 2:** Hoạt động: YÊU THƯƠNG BÌNH YÊN!   * HS dựa vào văn bản cùng những trải nghiệm, cảm xúc của bản thân; hãy phác họa 1 bức tranh lấy mẹ/ người thân làm hình ảnh trung tâm. Yêu cầu: Bức tranh có bố cục hài hòa; thể hiện được ý nghĩa của mẹ/ người thân trong trái tim em và những lời yêu thương em muốn nói; thể hiện trên khổ A3/ A4 * Lí giải: Giới thiệu về ý tưởng của bức vẽ.   - GV cho HS trưng bày sản phẩm của mình trong không gian lớp học  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trong các tiết ôn tập)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận   |  |  | | --- | --- | | Mở đoạn  (1 câu) | Giới thiệu về văn và cảm nhận chung | | Thân đoạn  (3-5 câu) | - Nêu cảm nhận của bản thân về: cảm xúc, hình ảnh tiêu, biện pháp nghệ thuật,…của bài thơ (Hình ảnh cò lặn lội vất vả - hình ảnh mẹ cả đời lam lũ vì con; nghệ thuật ẩn dụ cò – mẹ;….Gợi cảm xúc đồng cảm, xót thương;…. | | Kết đoạn  (1 câu) | Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ; thông điệp rút ra từ văn bản có ý nghĩa với bản thân | | **4. Luyện tập**  **-** Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Một mình trong mưa.*  - Dựa vào văn bản và phác họa 1 bức tranh lấy mẹ/ người thân làm hình ảnh trung tâm (Bức tranh có bố cục hài hòa; thể hiện được ý nghĩa của mẹ/ người thân trong trái tim em và những lời yêu thương em muốn nói). |
| **VẬN DỤNG (3’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu: Sưu tầm những câu thơ, ca khúc,...khác viết về mẹ / có hình ảnh mẹ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trong tiết ôn tập)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận | **5. Vận dụng**  Sưu tầm những câu thơ, ca khúc,...khác viết về mẹ / có hình ảnh mẹ. |
| **VI. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG**  Dự án (không bắt buộc):  DÒNG CHẢY THỜI GIAN  Mô tả sản phẩm:  Sưu tầm các bài thơ bốn chữ, năm chữ về chủ đề văn hóa truyền thống, tình cảm gia đình. Trình bày dưới dạng:  *+ Nội san* (bài thơ theo chủ đề + hình ảnh minh họa)  *+ Video đọc diễn cảm thơ và bình thơ* (bài thơ theo chủ đề + hình ảnh minh họa) | |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng:

- Mẫu phiếu học tập

**PHIẾU HỌC TẬP KHÁM PHÁ VĂN BẢN *MẸ***

**BẢNG KIỂM KỸ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình. |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu một số yếu tố hình thức của thể thơ bốn chữ và thơ năm chữ  Yêu cầu: Đọc phần Tri thức Ngữ văn SGK/Tr.43, lựa chọn từ ngữ điền vào bảng. | | | | |
| **Khái niệm**  **thơ bốn chữ và thơ năm chữ** |  | **Các yếu tố hình thức** | **Thơ bốn chữ** | **Thơ năm chữ** |
|  | Số tiếng/dòng |  |  |
|  |  | Số lượng dòng |  |  |
|  | Cách chia khổ |  |  |
|  | Cách gieo vần |  |  |
|  | Cách ngắt nhịp |  |  |
| Việc đọc hiểu một bài thơ phụ thuộc vào những yếu tố: | | | | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: CHUẨN BỊ BÀI: TÌM HIỂU BÀI THƠ *MẸ*** | | |
| **KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ** | | |
| Nêu 1 thông tin em biết về tác giả Đỗ Trung Lai và văn bản *Mẹ*. |  | |
| **ĐẶC ĐIỂM THỂ THƠ BỐN CHỮ TRONG BÀI THƠ *MẸ*** | | |
| Đặc điểm | | Những biểu hiện trong bài *Mẹ* |
| Cách chia khổ thơ | 4 dòng thơ / khổ |  |
| Số tiếng trong mỗi dòng | 4 tiếng / 1 dòng thơ |  |
| Cách gieo vần | vần chân, vần cách, vần lưng, |  |
| Cách ngắt nhịp | 2/2, 1/3 |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 “CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG”  KHÁM PHÁ VĂN BẢN *MẸ*  (?) Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ. Để thể hiện hình ảnh mẹ và cau, tác giả sử dụng những đặc sắc nghệ thuật nào? Hãy chỉ ra tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đó.  (?) Qua những chi tiết người con miêu tả hình ảnh mẹ, em cảm nhận được tình cảm gì?  (?) Trong những hình ảnh tác giả dùng để khắc họa người mẹ, em có ấn tượng sâu sắc với hình ảnh nào?   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Hình dáng** | **Màu sắc** | **Chiều cao** | **Hành động** | **Biện pháp nghệ thuật, tác dụng** | | Cau |  |  |  |  |  | | Mẹ |  |  |  |  | | Tình cảm con dành cho mẹ: | | | | | | | Hình ảnh mà em ấn tượng sâu sắc: | | | | | | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: VIẾT KẾT NỐI ĐỌC  Yêu cầu: Trong bài thơ Mẹ em thích nhất câu thơ hay hình ảnh nào nhất. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu chia sẻ cảm nhận của em về câu thơ / hình ảnh đó. |
| ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………… |

**PHIẾU BÀI TẬP KHÁM PHÁ VĂN BẢN *ÔNG ĐỒ***

**BẢNG KIỂM KỸ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Có | Không |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình. |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: ĐẶC ĐIỂM THỂ THƠ NĂM CHỮ TRONG BÀI THƠ *ÔNG ĐỒ*** | | |
| Tiêu chí | | Biểu hiện trong bài *Ông đồ* |
| Khổ thơ, dòng thơ, số chữ | Số khổ thơ / bài |  |
| Số dòng thơ / khổ |  |
| Số chữ / dòng |  |
| Giao vần | |  |
| Ngắt nhịp | |  |
| \* Lưu ý: Chọn 1 khổ thơ để phân tích trong phần gieo vần, ngắt nhịp | | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: KHÁM PHÁ BÀI THƠ *ÔNG ĐỒ***  (?) Phân tích hình ảnh ông đồ ngồi viết chữ nho ngày Tết trong hai khổ thơ đầu và hình ảnh của ông đồ ở khổ 3, 4. Hãy so sánh để làm rõ sự khác nhau giữa hai hình ảnh đó. Sự khác nhau này gợi cho người đọc cảm xúc gì về tình cảnh ông đồ?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Khung cảnh | Hành động | Thái độ của  mọi người | | Ông đồ thời Nho học thịnh hành |  |  |  | | Ông đồ thời Nho học suy tàn |  |  |  | | Biện pháp nghệ thuật |  | | | | Cảm nhận tình cảnh của ông đồ |  | | | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**  Yêu cầu: Nhiều giá trị văn hóa truyền thống hiện nay đang có nguy cơ bị mai một, biến dạng, hoặc chưa được gìn giữ và phát huy đúng mức, rất cần được hướng dẫn, hỗ trợ để bảo tồn, phát huy trong cuộc sống đương đại. Em hãy lựa chọn một văn hóa truyền thống đã / đang bị mai một, viết đoạn văn 6-8 câu đưa ra giải pháp để giữ gìn, bảo tồn giá trị văn hóa đó. |
| ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………… |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**KHÁM PHÁ VĂN BẢN *TIẾNG GÀ TRƯA***

**BẢNG KIỂM KỸ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Có | Không |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình. |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** | | |
| **GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, VĂN BẢN** | | |
| Nêu 1 thông tin em ấn tượng về tác giả Xuân Quỳnh |  | |
| Ấn tượng / cảm xúc ban đầu khi em đọc văn bản *Tiếng gà trưa* là gì? |  | |
| **ĐẶC ĐIỂM THỂ THƠ NĂM CHỮ**  **TRONG BÀI THƠ *TIẾNG GÀ TRƯA*** | | |
| Đặc điểm | | Những biểu hiện trong bài  *Tiếng gà trưa* |
| Cách chia khổ thơ | 4 dòng thơ / khổ |  |
| Số tiếng trong mỗi dòng | 5 tiếng / 1 dòng thơ |  |
| Cách gieo vần | vần chân, vần cách, vần liền, vần lưng, vần hỗn hợp |  |
| Cách ngắt nhịp | thường 2/3; 3/2 (có khi 1/4; 4/1) |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN *TIẾNG GÀ TRƯA*** | | | | |
| Em hiểu người xưng "cháu" trong bài thơ là ai, bộc lộ cảm xúc gì? Với ai? Cảm xúc đó được khơi gợi từ điều gì? | "Tiếng gà trưa" đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ? Em ấn tượng với hình ảnh hoặc kỷ niệm nào nhất? Vì sao? | Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết nào? Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về người bà và những tình cảm người cháu dành cho bà? | Bài thơ làm theo thể 5 chữ, nhưng có những chỗ biến đổi khá linh hoạt. Em có nhận xét gì về cách gieo vần, về số câu thơ trong mỗi khổ? | Câu thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần trong bài ở những vị trí nào và có tác dụng ra sao? |
|  |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**KHÁM PHÁ VĂN BẢN *MỘT MÌNH TRONG MƯA***

**BẢNG KIỂM KỸ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Có | Không |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ. |  |  |
| Đọc to, rõ bảo đảm trong không gian lớp học, cả lớp cùng nghe được. |  |  |
| Tốc độ đọc phù hợp. |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình. |  |  |

**CÂU HỎI TRÒ CHƠI: NHÌN NHANH – ĐOÁN TRÚNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU HỎI** | **ĐÁP ÁN** |
| **Câu 1.**Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?  A. Lục bát  B. Bốn chữ  C. Năm chữ  D. Tự do  **Câu 2.** Các dòng trong bài thơ chủ yếu được ngắt nhịp như thế nào?  A. 1/3  B. 3/1  C. 2/2  D. 1/1/2  **Câu 3.** Cách gieo vần của bài thơ thuộc loại nào?  A. Vần liền  B. Vần cách  C. Vần hỗn hợp  D. Vần chân  **Câu 4.** Bài thơ có thể được xếp vào nhóm đề tài nào?  A. Tình mẹ con  B. Tình cha con  C. Tình bà cháu  D. Tình vợ chồng  **Câu 5.** Hình ảnh "cò" trong bài thơ có thể tượng trưng cho ai?  A. Người mẹ  B. Người cha  C. Người vợ  D. Người chồng  **Câu 6.** Bài thơ **không** nhằm nhấn mạnh đặc điểm nào của "cò"?  A. Vất vả, chịu thương chịu khó  B. Thương con, hi sinh vì con  C. Cô đơn, lẻ loi một mình  D. Đảm đang, tháo vát  **Câu 7.** Qua bài thơ, tác giả chủ yếu dành cho "cò" thái độ, tình cảm gì?  A. Kính trọng, nể phục  B. Đồng cảm, xót thương  C. Ngưỡng mộ, ngợi ca  D. Yêu mến, sẻ chia  **Câu 8.** Biện pháp tu từ nào **không** có trong bài thơ trên?  A. Ẩn dụ  B. Tương phản  C. So sánh  D. Điệp cấu trúc  **Câu 9.** Từ nào sau đây là từ ghép?  A. Lận đận  B. Bơ vơ  C. Khắc khoải  D. Lặn lội | |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | **1** | **B** | | **2** | **C** | | **3** | **C** | | **4** | **A** | | **5** | **A** | | **6** | **D** | | **7** | **D** | | **8** | **C** | | **9** | **D** | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**  Yêu cầu: Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Một mình trong mưa.* |
| ……………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………… |

**Ngày dạy:14/10/2024**

**Tiết 22**

**BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu được:**

- Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, câu hỏi tu từ, cặp từ trái nghĩa

**2. Năng lực**

**Sau bài học này, học sinh sẽ:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp  - NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập | - 80% HS xác định được BPTT so sánh, câu hỏi tu từ, từ trái nghĩa trong ngữ liệu.  - 70% HS đánh giá vai trò của câu hỏi tư từ, BPTT so sánh, cặp từ trái nghĩa trong ví dụ. |

**3. Phẩm chất**

**Sau bài học này, học sinh sẽ:**

- Trân trọng, tự hào về vẻ đẹp ngôn ngữ của dân tộc.

- Lắng nghe, thấu hiểu.

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kỹ thuật* |
| thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống,... | giao nhiệm vụ, động não, hỏi và trả lời, trình bày một phút, tóm tắt tài liệu,.... |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, PBT và các tài liệu tham khảo.

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, chuẩn bị bài theo phiếu gợi dẫn / phiếu học tập

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  3. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:  + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  + Hình thành và phát triển năng lực: Giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Gợi tìm, giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS trong trò chơi | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ  - GV cho HS tham gia thử thách “ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ”  - HS thực hiện yêu cầu và tham gia thử thách theo cặp / bàn  - Luật chơi:  + Quan sát tranh và tìm câu thành ngữ/ tục ngữ tương ứng. Trong các câu thành ngữ này có sử dụng các cặp từ nào thể hiện sự trái ngược về đặc điểm, tính chất? Nêu tác dụng.  + Các cặp/ bàn giành quyền trả lời bằng cách giơ tay  + Mỗi câu trả lời đúng: cộng 1 sao tích cực  Thành/tục ngữ: Cá lớn nuốt cá bé  **1. Cá lớn nuốt cá bé**  Em hiểu thế nào về câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”  **2. Lá lành đùm lá rách**    **3. Đầu voi đuôi chuột**  Giải thích câu tục ngữ: "Chị ngã em nâng" - Tài liệu Việt Nam  **4. Chị ngã em nâng**  ĐÚNG NHẤT] "Lên voi xuống chó" là gì?  **5. Lên voi xuống chó**  Ba chìm bảy nổi - Hình ảnh mã số 1190 - Đuổi hình bắt chữ | Lazi.vn - Cộng  đồng Tri thức & Giáo dục  **6. Bảy nổi ba chìm**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận, dựa trên trò chơi để bắt nhịp vào bài học.  *Quả thực trong tiếng Việt, có rất nhiều hiện tượng ngôn ngữ thú vị. Những ví dụ mà các em vừa nêu chính là minh họa cho hiện tượng sử dụng cặp từ trái nghĩa. Đây đều là những mảng kiến thức chúng ta từng làm quen ở chương trình Tiểu học rồi. Vậy thì ngay bây giờ, hãy cùng thử sức với các bài tập nhỏ để xem mình khắc sâu kiến thức ở mức độ nào nhé!* | HS hình dung tiếng Việt phong phú, sinh động. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| **NỘI DUNG 1: THỰC HÀNH VỀ TỪ TRÁI NGHĨA**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * + 100% HS xác định được những đặc điểm cơ bản của từ trái nghĩa.   + 80% HS giải thích được đúng ý nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể.   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động học tập * 50% HS bồi dưỡng lòng yêu mến và tự hào về ngôn ngữ dân tộc   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại – phát vấn, dạy học theo nhóm  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài làm của HS (phiếu học tập số 1) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  - HS làm việc theo cặp, thời gian: 5 phút  - GV gọi ngẫu nhiên trả lời  **- Nhiệm vụ 1:** Hoàn thành bài tập 1 SGK tr.48   |  |  | | --- | --- | | Cặp từ tương phản (trái nghĩa) | Tác dụng | |  |  | |  | |  | |  | |  |   **- Nhiệm vụ 2:** Bằng kiến thức đã học và thực hành bài 1 SGK tr.48, em hãy nêu tác dụng của việc sử dụng các từ trái nghĩa trong diễn đạt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả của cặp mình  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận:  Sử dụng các từ trái nghĩa trong diễn đạt giúp làm nổi bật những nội dung chính mà người viết / người nói muốn đề cập đến. Từ đó giúp thể hiện cảm xúc, tâm trạng, sự đánh giá, nhận xét của tác giả về sự vật, sự việc.  ***Bài tập 1 SGK tr.48***   |  |  | | --- | --- | | Cặp từ tương phản (trái nghĩa) | Tác dụng | | Lưng mẹ còng >< cau vẫn thẳng | - NT: Tạo sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi.  - ND:  + Hình ảnh cau và mẹ đối lập như hữu hình hóa bước chuyển biến của thời gian, mẹ với bao nỗi nhọc nhằn chăm lo, cặm cụi mưu sinh, nuôi dưỡng con mà ngày càng già đi.  + Thể hiện nỗi niềm của người con khi nhìn hình bóng mẹ soi chiếu với cây cau quen thuộc mẹ vẫn sớm hôm chăm sóc.  + Khơi gợi cảm xúc yêu quý, trân trọng biết ơn mẹ trong lòng người đọc. | | Cau - ngọn xanh rờn >< mẹ - đầu bạc trắng | | Cau ngày càng cao >< mẹ ngày một thấp | | Cau gần với giời >< mẹ thì gần đất | | **I. TỪ TRÁI NGHĨA**  **1. Thực hành tiếng Việt**  - Bài tập 1 SGK tr.48 |
| **NỘI DUNG 2: BIỆN PHÁP TU TỪ SO SÁNH**  - Thời gian: 25 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * + 80% HS phân tích được tác dụng của so sánh trong ngữ cảnh cụ thể   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động học tập * 50% HS bồi dưỡng lòng yêu mến và tự hào về ngôn ngữ dân tộc   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại – phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài làm của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  - **Nhiệm vụ 1:** HS làm cá nhân, hoàn thành bài tập 2 SGK tr.48 trong thời gian 5 phút  - GV gọi ngẫu nhiên 2 HS trình bày, 2 phút / HS   |  |  | | --- | --- | | *Một miếng cau khô*  *Khô gầy như mẹ*  *Con nâng trên tay*  *Không cầm được lệ* | | | Biện pháp tu từ so sánh | Tác dụng | |  |  |   **- Nhiệm vụ 2:** Bằng kiến thức đã học và thực hành bài 2 SGK tr.48, em hãy nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (phần II phiếu luyện tập)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả trong buổi học (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận, chốt kiến thức: So sánh giúp cho việc mô tả sự việc, sự vật được cụ thể, sinh động hơn. Đồng thời phép so sánh với những liên tưởng thú vị còn giúp biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | B1: Gọi tên, chỉ rõ chi tiết có phép so sánh | Gợi ý | Tác giả sử dụng phép so sánh qua chi tiết nào? | | B2: Nêu tác dụng về nghệ thuật | Gợi hình ảnh, gợi cảm xúc cho dòng thơ. | | | B3: Nêu tác dụng về nội dung | HS tìm tác dụng trong việc thể hiện nội dung bằng cách trả lời các câu hỏi. | Biện pháp so sánh ấy diễn tả sự vật/ hiện tượng nào? | | Sự vật/ hiện tượng ấy hiện lên ra sao, có điểm gì đặc biệt? | | Qua chi tiết so sánh đó, ta hiểu thêm điều gì về nội dung của dòng thơ cũng như tình cảm của tác giả? |   ***Bài tập 2 SGK tr.48***   |  |  | | --- | --- | | *Một miếng cau khô*  *Khô gầy như mẹ*  *Con nâng trên tay*  *Không cầm được lệ* | | | Biện pháp tu từ so sánh | Tác dụng | | Miếng cau khô như mẹ khô gầy | - Gợi hình ảnh, cảm xúc cho bài thơ.  - So sánh cau "khô gầy như mẹ" gợi lên hình ảnh mẹ có dáng vẻ "khô gầy", đã già đi nhiều rồi.  - Hình ảnh mẹ khô gầy, già nua theo năm tháng như minh chứng cho bao nỗi vất vả, nhọc nhằn mẹ đã trải qua.  - Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ gợi cảm xúc bùi ngùi, xúc động. | | **II. BIỆN PHÁP SO SÁNH**  **1. Thực hành tiếng Việt**  - Bài tập 2 SGK tr.48 |
| **NỘI DUNG 3: CÂU HỎI TU TỪ**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * + 80% HS phân tích được tác dụng của câu hỏi tu từ trong ngữ cảnh cụ thể   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động học tập * 50% HS bồi dưỡng lòng yêu mến và tự hào về ngôn ngữ dân tộc   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại – phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài làm của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ:  - **Nhiệm vụ 1:**  - HS thảo luận theo bàn/ cặp đôi hoàn thành bài 3,4 SGK Tr.49  - Trong thời gian 10 phút  - Sau thời gian làm bài, giáo viên hướng dẫn, các cặp đôi / bàn tiến hành chấm chéo bài của nhau  **- Nhiệm vụ 2:** Bằng kiến thức đã học và thực hành bài 3,4 SGK tr.49, em hãy nêu các bước tìm tác dụng của câu hỏi tu từ trong việc thể hiện nội dung của bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ 1: HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn / cặp trong 3 phút (phần III phiếu luyện tập)  - Nhiệm vụ 2: HS thực hiện cá nhân (trả lời miệng)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Nhiệm vụ 1: HS báo cáo kết quả (trình bày 2 phút / HS)  - Nhiệm vụ 2: Trả lời miệng  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận, chốt kiến thức:   * Tạo nên giọng thơ tâm tình, đối thoại giãi bày tâm tư của nhân vật trữ tình, bộc lộ tình cảm, cảm xúc, thái độ kín đáo, tế nhị  |  |  |  | | --- | --- | --- | | B1: Gọi tên, chỉ rõ câu hỏi tu từ | Gợi ý | Tác giả sử dụng câu hỏi tu từ nào? | | B2: Nêu tác dụng về nghệ thuật | Tạo giọng điệu thủ thỉ, tâm tình, như lời tự vấn / đối thoại trong tâm tưởng cho thơ | | | B3: Nêu tác dụng về nội dung | HS tìm tác dụng trong việc thể hiện nội dung bằng cách trả lời các câu hỏi. | Câu hỏi tu từ ấy là lời của ai? Hỏi về sự vật hiện tượng nào? | | Tại sao tác giả lại đặt câu hỏi đó? Sự vật/ hiện tượng được nói đến hiện lên ra sao, có điểm gì đặc biệt? | | Qua câu hỏi tu từ đó, ta hiểu thêm điều gì về nội dung của dòng thơ cũng như tình cảm của tác giả? |   **Bài 3 SGK Tr.49**  - Câu hỏi tu từ: *Sao mẹ ta già?*  - Tạo giọng điệu tâm tình, trầm lắng, có phần day dứt, xót xa, đem đến khoảng lặng cho bài thơ khi câu hỏi đặt ra ở khổ thơ cuối.  - Gợi nỗi buồn sâu lắng của nhân vật trữ tình trước thời gian tàn nhẫn khi chẳng thể níu kéo thêm thời gian bên mẹ.  **Bìa 4 SGK Tr.49**  - Câu hỏi tu từ: *Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ?*  - Tạo giọng điệu trầm lắng, lưu luyến, có phần day dứt, xót xa, đem đến khoảng lặng cho bài thơ khi câu hỏi đặt ở cuối bài thơ.  - Gợi nỗi buồn sâu lắng của nhân vật trữ tình trước sự thay đổi của xã hội, khi lớp người xưa cũ đã dần trôi vào quên lãng, khi Nho học không còn được thịnh hành, khi nét đẹp văn hóa truyền thống dần phôi pha…→ Tình yêu nước thầm kín, sâu sắc. | **III. CÂU HỎI TU TỪ**  **1. Thực hành tiếng Việt**  Bài tập 3 SGK tr.49  Bài tập 4 SGK tr.49 |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**  **VẬN DỤNG TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀO TẠO LẬP ĐOẠN VĂN**  - Thời gian: 20 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù: 90% HS vận dụng kiến thức về từ trái nghĩa, biện pháp so sánh, câu hỏi tu từ để tạo lập đoạn văn có sử dụng kiến thức TV  + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động học tập * 50% HS bồi dưỡng lòng yêu mến và tự hào về ngôn ngữ dân tộc   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại – phát vấn, dạy học theo nhóm  - Sản phẩm dự kiến: Phiếu viết ngắn (hoàn thành ở nhà) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ: Hoàn thành phiếu học tập số 3  - Thời gian viết: 10 phút  - Gv gọi ngẫu nhiên 2 HS, HS trình bày 3 phút / HS và GV chữa, góp ý  - Lập dàn ý cho đoạn văn theo mô hình   |  |  | | --- | --- | | Mở đoạn  (1 câu) | Giới thiệu về nét đẹp độc đáo của quê hương mà em lựa chọn. | | Thân đoạn  (3-5 câu) | - Chia sẻ cảm nhận về các khía cạnh của nét độc đáo ấy (xuất hiện từ bao giờ? có đặc điểm ra sao?...)  - Nêu tình cảm của em cũng như mọi người trước nét đẹp độc đáo đó của quê hương (trân trọng, giữ gìn, yêu mến, tự hào,...) | | Kết đoạn  (1 câu) | Ý nghĩa của những dấu ấn quê hương trong trái tim mỗi người |   - Viết hoàn chỉnh đoạn văn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ (phiếu học tập số 3)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả 3 phút/ HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV nhận xét, chấm chữa bài cho HS | **III. VIẾT NGẮN**  *NÉT ĐẸP QUÊ HƯƠNG TÔI*  *“Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*  *Quê hương nếu ai không nhớ*  *Sẽ không lớn nổi thành người”*  Quê hương luôn in dấu nét đẹp riêng với mỗi chúng ta. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu chia sẻ về một 1 nét đẹp độc đáo của quê hương em (chợ phiên/ loài hoa trái đặc trưng/ làng nghề truyền thống/ con đường thú vị...). Đoạn văn có sử dụng 1 cặp từ trái nghĩa hoặc 1 BPTT so sánh/ 1 câu hỏi tu từ (chú thích rõ). |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu phiếu học tập

**PHIẾU LUYỆN TẬP**

|  |
| --- |
| PHIẾU LUYỆN TẬP  TỪ TRÁI NGHĨA, BIỆN PHÁP SO SÁNH, CÂU HỎI TU TỪ |
| **I. TỪ TRÁI NGHĨA**  **Bài 1 SGK tr.48:** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự tương phản (trái ngược) về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì?   |  |  | | --- | --- | | Cặp từ tương phản (trái nghĩa) | Tác dụng | |  |  | |  | |  | |  | |  |   **II. BIỆN PHÁP SO SÁNH**  **Bài tập 2 SGK tr.48**   |  |  | | --- | --- | | *Một miếng cau khô*  *Khô gầy như mẹ*  *Con nâng trên tay*  *Không cầm được lệ* | | | Biện pháp tu từ so sánh | Tác dụng | |  |  |   **III. CÂU HỎI TU TỪ**  **Bài tập 3 sgk Tr.49**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Tác dụng của câu hỏi tu từ** | | | B1: Gọi tên, chỉ rõ câu hỏi tu từ | *Sao mẹ ta già?* | | | B2: Nêu tác dụng về nghệ thuật | Gợi hình ảnh, gợi cảm xúc cho dòng thơ. | | | B3: Nêu tác dụng về nội dung | Câu hỏi tu từ ấy là lời của ai? Câu hỏi hỏi và diễn tả về sự vật/ hiện tượng nào? |  | | Tại sao tác giả lại đặt câu hỏi đó? Sự vật/ hiện tượng được nói đến hiện lên ra sao, có điểm gì đặc biệt? |  | | Qua câu hỏi tu từ đó, ta hiểu thêm điều gì về nội dung của dòng thơ cũng như tình cảm của tác giả? |  |   **Bài 4 SGK Tr.49**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu hỏi tu từ** | **Tác dụng** | | |  | Gợi hình ảnh, gợi cảm xúc gì cho dòng thơ? |  | | Câu hỏi tu từ ấy là lời của ai? Câu hỏi hỏi và diễn tả về sự vật/ hiện tượng nào? |  | | Tại sao tác giả lại đặt câu hỏi đó? Sự vật/ hiện tượng được nói đến hiện lên ra sao, có điểm gì đặc biệt? |  | | Qua câu hỏi tu từ đó, ta hiểu thêm điều gì về nội dung của dòng thơ cũng như tình cảm của tác giả? |  | |
| GỢI Ý TRẢ LỜI  TỪ TRÁI NGHĨA, BPTT SO SÁNH, CÂU HỎI TU TỪ |
| **I. TỪ TRÁI NGHĨA**   |  |  | | --- | --- | | Cặp từ tương phản (trái nghĩa) | Tác dụng | | Lưng mẹ còng >< cau vẫn thẳng | Tác dụng của cách bố trí như vậy:  + Cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi.  + Làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ.  + Cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi.  + Khơi gợi cảm xúc yêu quý, trân trọng biết ơn mẹ trong lòng người đọc. | | Cau - ngọn xanh rờn >< mẹ - đầu bạc trắng | | Cau ngày càng cao >< mẹ ngày một thấp | | Cau gần với giời >< mẹ thì gần đất |   **II. BIỆN PHÁP TU TỪ SO SÁNH**  **Bài 2 SGK tr.48**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | B1: Gọi tên, chỉ rõ chi tiết có phép so sánh | Gợi ý | Tác giả sử dụng phép so sánh qua chi tiết nào? | | B2: Nêu tác dụng về nghệ thuật | Gợi hình ảnh, gợi cảm xúc cho dòng thơ. | | | B3: Nêu tác dụng về nội dung | HS tìm tác dụng trong việc thể hiện nội dung bằng cách trả lời các câu hỏi. | Biện pháp so sánh ấy diễn tả sự vật/ hiện tượng nào? | | Sự vật/ hiện tượng ấy hiện lên ra sao, có điểm gì đặc biệt? | | Qua chi tiết so sánh đó, ta hiểu thêm điều gì về nội dung của dòng thơ cũng như tình cảm của tác giả? |   **III. CÂU HỎI TU TỪ**  **Bài 3 SGK Tr.49**  - Câu hỏi tu từ: *Sao mẹ ta già?*  - Tạo giọng điệu tâm tình, trầm lắng, có phần day dứt, xót xa, đem đến khoảng lặng cho bài thơ khi câu hỏi đặt ra ở khổ thơ cuối.  - Gợi nỗi buồn sâu lắng của nhân vật trữ tình trước thời gian tàn nhẫn khi chẳng thể níu kéo thêm thời gian bên mẹ.  **Bìa 4 SGK Tr.49**  - Câu hỏi tu từ: *Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ?*  - Tạo giọng điệu trầm lắng, lưu luyến, có phần day dứt, xót xa, đem đến khoảng lặng cho bài thơ khi câu hỏi đặt ở cuối bài thơ.  - Gợi nỗi buồn sâu lắng của nhân vật trữ tình trước sự thay đổi của xã hội, khi lớp người xưa cũ đã dần trôi vào quên lãng, khi Nho học không còn được thịnh hành, khi nét đẹp văn hóa truyền thống dần phôi pha…→ Tình yêu nước thầm kín, sâu sắc. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **PHIẾU VIẾT NGẮN**  **Đề bài:**  *NÉT ĐẸP QUÊ HƯƠNG TÔI*  *“Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*  *Quê hương nếu ai không nhớ*  *Sẽ không lớn nổi thành người”*  Quê hương luôn in dấu nét đẹp riêng với mỗi chúng ta. Viết đoạn văn khoảng 8 câu chia sẻ về một 1 nét đẹp độc đáo của quê hương em (chợ phiên/ loài hoa trái đặc trưng/ làng nghề truyền thống/ con đường thú vị...). Đoạn văn có sử dụng 1 cặp từ trái nghĩa hoặc 1 BPTT so sánh/ 1 câu hỏi tu từ. |
| **Bài làm dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | ***Mở đoạn***  (1 câu) |  | | ***Thân đoạn***  (3-5 câu) |  | | ***Kết đoạn***  (1 câu) |  |   **Bài làm đoạn văn**  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*  **Chú thích:**  ***- 01 cặp từ trái nghĩa/ 1 BPTT so sánh/ 1 câu hỏi tu từ.***  *……………………………………………………………………………………………………………………* |

**Ngày giảng:21/10/2024**

**Tiết :25.26**

**BÀI 4: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**KĨ NĂNG VIẾT:TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu được:**

- Những đặc điểm cơ bản của thể thơ bốn chữ, năm chữ

**2. Năng lực**

**Sau bài học này, học sinh sẽ có:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL tự chủ và tự học:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 80% HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ. | * 100% HS nhận biết được đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ * 70% HS làm được khổ thơ bốn chữ/ năm chữ đúng luật tại lớp * 70% HS đánh giá được nội dung bài thơ bốn chữ/ năm chữ của bạn dựa trên bảng kiểm |

**3. Phẩm chất**

**Sau bài học này, học sinh sẽ biết:**

- Trân trọng, tự hào yêu cuộc sống

- Lắng nghe, thấu hiểu.

- Tự giác tìm tòi, học hỏi

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kỹ thuật* |
| Trò chơi, đàm thoại – phát vấn | Động não, think-pair-share, giao nhiệm vụ, hỏi và trả lời |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: vấn đáp  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ THẢ THƠ**  GV đưa ra yêu cầu  *- Em hãy đọc câu thơ 4 chữ/ 5 chữ trong bài thơ bất kì mà em yêu thích rồi thử thách nhóm khác đọc nối tiếp câu thơ tiếp theo.*  - Thử thách xoay vòng từ nhóm này sang nhóm khác theo chiều kim đồng hồ. Thời gian suy nghĩ của các nhóm là 15 giây. Nhóm nào trả lời được thì được cộng 1 sao, nhóm không trả lời được trừ 1 sao.  - Thời gian trò chơi: 3 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận  *Những bài/ đoạn thơ bốn chữ, năm chữ mà các con vừa đọc đều mang cái hay riêng. Tuy nhiên, có dòng thơ các con đọc tiếp thì nghe thật xao xuyến, có dòng thơ các con đọc tiếp nghe lại trúc trắc do sai vần và sai luật (cũng là vì chúng mình chưa gặp dòng thơ ấy nên hầu như phán đoán theo cảm xúc). Vậy thì, các con có bao giờ đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để làm được một bài thơ 4 chữ/ 5 chữ chưa? Trong tiết học* *hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cách làm một bài thơ 4 chữ / 5 chữ thông qua các cấp độ của* CHƯƠNG TRÌNH THÚ VỊ NHẤT NĂM -***TẬP LÀM THI SĨ.*** | HS có tâm thế sẵn sàng vào bài học. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ** | |
| - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS hiểu được về hình thức của thể thơ bốn chữ, năm chữ * 100% HS xác định được yêu cầu đối với một bài thơ bốn chữ, thơ năm chữ   + Năng lực chung:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa yêu cầu / câu hỏi: Từ cách viết của tác giả trong các bài thơ đã học, em rút ra được điều gì về yêu cầu làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời miệng  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **I. TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ, THƠ NĂM CHỮ**  **1. Yêu cầu của một bài thơ bốn chữ, năm chữ**   * Bài thơ gồm có các dòng thơ bốn chữ hoặc năm chữ. * Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để tạo liên tưởng độc đáo, thú vị * Bài thơ cần có nhịp (2/2 nếu là thơ bốn chữ hoặc 2/2, 3/2 nếu là thơ năm chữ), gieo vần (vần gần nhau hoặc giống nhau). * Bài thơ cần thể hiện được ý nghĩa của bài, có hình ảnh, mạch cảm xúc và xoay quanh một chủ đề. * Bài thơ cần sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,... * Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.   **2. Bảng kiểm tham khảo** (phụ lục bảng kiểm bên dưới) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa yêu cầu / câu hỏi: GV chia 4 nhóm  Dựa vào phán đoán ban đầu của mình cũng như kinh nghiệm của bản thân và phần gợi ý SGK Tr.52, hãy nêu quy trình làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ? (Hoàn thành PHT số 1)   * Thời gian thảo luận nhóm: 5 phút   - GV gọi ngẫu nhiên 2 HS đại diện nhóm trình bày, trong 2 phút / nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn cùng nhóm (thảo luận 5 phút, hoàn thành PHT số 1)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS đại diện nhóm báo cáo kết quả (trình bày trong 2 phút)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **3. Hướng dẫn quy trình viết**   1. **Chuẩn bị**   Trả lời câu hỏi:  Xác định:  - Đề tài và cảm xúc  - Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc  - Tập gieo vần   1. **Viết bài thơ**   - Kể hoặc tả hình ảnh đối tượng, qua đó thể hiện cảm xúc, tình cảm  - Lựa chọn từ ngữ thích hợp thể hiện đặc điểm của đối tượng ( sử dụng các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp,...)  - Sắp xếp từ ngữ theo quy định số tiếng, vần, nhịp   1. **Kiểm tra và chỉnh sửa:** Đánh giá bài viết và chỉnh sửa theo bảng kiểm   **-** Đọc lại bài thơ  - Kiểm tra bài thơ có đảm bảo số tiếng, vần, nhịp đúng yêu cầu thể thơ  - Kiểm tra bài thơ có thể hiện được đối tượng em chọn và tình cảm của em với đối tượng đó không?  - Kiểm tra xem có cần thay thế từ ngữ nào để bài thơ hay hơn không? |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | |
| - Thời gian: 20 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 80% HS phát triển các câu thơ dựa trên đề tài, chủ đề đã có; biết dựa vào đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ để viết câu thơ của mình cho đúng luật. * 100% Biết dựa vào đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ để làm được bài thơ cho đúng luật.   + Năng lực chung:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 75% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ   + Phẩm chất:   * 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua các hoạt động học tập * 50% HS bồi dưỡng lòng yêu mến và tự hào về ngôn ngữ dân tộc   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận cặp đôi.  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa câu hỏi / yêu cầu:  - **Nhiệm vụ 1:** GV đưa ra 4 dữ kiện là 4 dòng thơ bốn chữ trong 1 bài thơ nhưng đã bị tráo đổi thứ tự. HS có nhiệm vụ sắp xếp lại trật tự cho đúng.  **-**  Thời gian suy nghĩ: 30 giây, HS giơ tay giành quyền trả lời, trả lời đúng nhận 1 sao tích cực  *+ Ru tôi lớn khôn*  *+ Mẹ là dòng sông*  *+ Cho tôi tắm mát*  *+ Mẹ là khúc hát*  - **Nhiệm vụ 2:** GV đưa ra 4 dữ kiện là 4 dòng thơ năm chữ trong 1 bài thơ nhưng đã bị tráo đổi thứ tự. HS có nhiệm vụ sắp xếp lại trật tự cho đúng.  + Cái đuôi mừng ngoáy tít  + Tao đi học về nhà  + Đầu tiên mày rối rít  + Là mày chạy xồ ra  **-**  Thời gian suy nghĩ: 30 giây, HS giơ tay giành quyền trả lời, trả lời đúng nhận 1 sao tích cực  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (giơ tay giành quyền trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **III. LUYỆN TẬP**   1. **Thử thách “XOAY VẦN THƠ CA”**   Thứ tự sắp xếp đúng  *a. Mẹ là dòng sông*  *Cho tôi tắm mát*  *Mẹ là khúc hát*  *Ru tôi lớn khôn*  b. Tao đi học về nhà  Là mày chạy xồ ra  Đầu tiên mày rối rít  Cái đuôi mừng ngoáy tít |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phổ biến luật chơi, các HS thực hiện cá nhân.  - Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ chấm tương ứng với các khổ thơ sau. Từ đó xác định cách gieo vần ở mỗi khổ.  - Thời gian làm: 1 phút  - HS giơ tay giành quyền phát biểu. Trả lời đúng + 1 sao tích cực   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *a. Bóng bàng tròn lắm*  *Tròn như cái nong*  *Em ngồi vào…………….*  *Mát ơi là mát* | *( ngay, giữa, đây,* ***trong)*** | *Cách gieo vần chân* | | | | | *b. Ngựa phăm phăm bốn vó*  *Như …..xuống mặt đường*  *Mặc sớm rừng mù……*  *Mặc đêm đông giá rét* | ***(băm,*** *cày, lao, đâm)* | *Cách gieo vần lưng* | | | *(mịt,* ***sương****, mờ)* | *Cách gieo vần chân* | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | 1. **Điền khuyết hoàn thành khổ thơ**   *a. Bóng bàng tròn lắm*  *Tròn như cái nong*  *Em ngồi vào* ***trong.***  *Mát ơi là mát*  *→* Cách gieo vần chân *(nong - trong)*  *b. Ngựa phăm phăm bốn vó*  *Như* ***băm*** *xuống mặt đường*  *Mặc sớm rừng mù* ***sương***  *Mặc đêm đông giá rét*  *→* Cách gieo vần lưng *(phăm - băm),* gieo vần chân *(đường - sương)* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phổ biến luật chơi, HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  - GV đưa ra các câu thơ mẫu, HS có nhiệm vụ dựa trên đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ để viết tiếp 1 câu thơ của mình cho đúng luật, đúng chủ đề.  - GV có thể yêu cầu tất cả các thành viên trong 1 dãy bàn cùng làm 1 nhiệm vụ giống nhau để khi thu hoạch vẫn từ 1 câu thơ nhưng có nhiều sản phẩm đa dạng.  - Thời gian suy nghĩ 2 phút / 1 câu thơ  - HS giơ tay giành quyền trả lời, đáp án đúng + 2 sao tích cực  - Mỗi lượt đối thơ GV gọi 3 HS/ câu mở đầu  - VD các câu mở đầu:  *+ Em ghé thăm trường cũ*  *+ Ánh nắng vàng tươi*  *+ Khu vườn xanh tươi*  *+ Bãi cát trắng trải dài*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ, có thể trao đổi trước với bạn cùng bàn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **3. Thử thách “ĐỐI THƠ”** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho HS:  - GV chia lớp thành 4 nhóm  - 4 nhóm sáng tác một bài thơ bốn chữ/ năm chữ về đề tài tự chọn (đề tài gần gũi với HS).  - Yêu cầu về bài thơ: Dung lượng ngắn, khoảng 4-8 câu về đề tài tự chọn (gần gũi, phù hợp với nhận thức và lứa tuổi HS) (phiếu học tập số 2)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả theo nhóm (phiếu học tập số 2)  **-Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **4. Sáng tác thơ**  Sáng tác một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ (4-8 câu) về đề tài tự chọn.  ***a. Khởi động viết:*** Lựa chọn đề tài  - Em định viết về đề tài gì?  - Đề tài ấy có hình ảnh gì nổi bật?  - Hình ảnh ấy gợi cho em liên tưởng đến điều gì?  - Thử tìm 1 nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em chọn  ***b. Thực hành viết***  - Viết dòng thơ đầu tiên. Bắt đầu bằng hình ảnh gợi ấn tượng rõ rệt nhất trong cảm xúc.  - Viết câu thơ tiếp theo (Nên đọc thành tiếng để cảm nhận rõ hơn vần, nhịp và từ ngữ; dễ dàng diễn đạt được cảm xúc, ý tưởng)  ***c. Chỉnh sửa***  - Đọc diễn cảm bài thơ theo đúng giọng điệu.  - Sáng tạo, điều chỉnh  (Tập sử dụng các BPTT như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ; dùng từ láy tả âm thanh, màu sắc,...Vừa viết vừa đọc, xóa đi viết lại đến khi cảm nhận được sự nhịp nhàng và vẻ đẹp cuốn hút của từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ em làm.)  - Dùng bảng kiểm để kiểm tra và sửa lại bài thơ đảm bảo đúng luật của thể thơ bốn chữ, năm chữ. |
| **LƯU Ý:**  **GV cung cấp:**  - Phiếu hướng dẫn làm thơ để HS dễ theo dõi và thực hiện nhiệm vụ.  - Bảng kiểm hình thức và nội dung thơ bốn chữ, năm chữ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** | | Hình thức | Bài thơ gồm các dòng bốn tiếng / năm tiếng |  | | + Các dòng thơ bốn chữ chủ yếu được ngắt nhịp 2/2, 1/3  + Các dòng thơ năm chữ chủ yếu được ngắt nhịp 3/2, 2/3 |  | | Cách hiệp vần: gieo vần chân/ vần lưng/ vần liền/ vần cách/ vần hỗn hợp |  | | Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ,… |  | | Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói |  | | Các hình ảnh sống động, thú vị |  | | Nội dung | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống |  | | Nhan đề phù hợp với nội dung văn bản |  |   HS thực hiện theo phiếu hướng dẫn và tự đánh giá thông qua bảng kiểm |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù: 60% HS vận dụng được kiến thức về đặc điểm của thơ bốn chữ, năm chữ để hoàn thiện bài thơ của mình và tập làm thêm/ sưu tầm những bài thơ tương tự  + Năng lực chung: 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp  + Phẩm chất: 60% HS trau dồi tính kiên trì, cẩn thận thông qua việc tư duy bài tập  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: động não  - Sản phẩm dự kiến: Tập san “Lần đầu làm thi sĩ” | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: HS sưu tầm những sáng tác thơ bốn chữ, năm chữ trong tiết học của các HS trong lớp, tạo thành tập san “Lần đầu làm thi sĩ”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS sưu tầm những bài thơ bốn chữ, năm chữ/ đoạn thơ bốn chữ, năm chữ ấn tượng theo chủ đề  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **III. VẬN DỤNG**  Tập san “Lần đầu làm thi sĩ” |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu bảng kiểm

**BẢNG KIỂM HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Hình thức | Bài thơ gồm các dòng bốn tiếng / năm tiếng |  |
| + Các dòng thơ bốn chữ chủ yếu được ngắt nhịp 2/2, 1/3  + Các dòng thơ năm chữ chủ yếu được ngắt nhịp 3/2, 2/3 |  |
| Cách hiệp vần: gieo vần chân/ vần lưng/ vần liền/ vần cách/ vần hỗn hợp |  |
| Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ,… |  |
| Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói |  |
| Các hình ảnh sống động, thú vị |  |
| Nội dung | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống |  |
| Nhan đề phù hợp với nội dung văn bản |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: SƠ ĐỒ QUY TRÌNH VIẾT MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: SƠ ĐỒ QUY TRÌNH VIẾT**  **Yêu cầu:** Ghi lại các bước để sáng tác một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. |
|  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**SÁNG TÁC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ/ NĂM CHỮ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TÊN BÀI THƠ:  …………………………………………………………………………….. | | | | | |
| Dòng | Tiếng 1 | Tiếng 2 | Tiếng 3 | Tiếng 4 | Tiếng 5 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |

**Ngày dạy: 23/10/2024**

**Tiết :27**

**BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**KĨ NĂNG VIẾT:VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu:**

Các yêu cầu chính của đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

**2. Năng lực**

**Sau bài học này, học sinh sẽ có:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL tự chủ và tự học:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 80% HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ. | * 80% HS viết được đoạn văn cảm nhận về một bài thơ bốn chữ, năm chữ * 50% HS nhận xét được phần đoạn văn của bạn |

**3. Phẩm chất**

**Sau bài học này, học sinh sẽ biết:**

- Trân trọng, tự hào, yêu cuộc sống

- Lắng nghe, thấu hiểu.

- Tự giác tìm tòi, học hỏi

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kĩ thuật* |
| thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống,... | giao nhiệm vụ, động não, hỏi và trả lời, trình bày một phút, tóm tắt tài liệu,.... |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu:  + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  + Hình thành và phát triển năng lực: Giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Gợi tìm, giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: HS đọc bài thơ của mình ở tiết trước (đã chỉnh sửa) và gọi một số học sinh khác chia sẻ cảm xúc về bài thơ của bạn.  - GV gọi ngẫu nhiên 3 HS (hoặc HS tự xung phong)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận: *Đứng trước mỗi bài thơ, chúng ta thường có những cảm xúc khác nhau. Vì thế hôm nay cô sẽ hướng dẫn chúng mình cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.* | HS có tâm thế sẵn sàng vào bài học. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU VĂN BẢN**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS xác định được yêu cầu đối với kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.   + Năng lực chung:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phát vấn – đàm thoại  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân: Dựa vào phần gợi ý SGK Tr.53 và kinh nghiệm cá nhân:  Hãy dự đoán:  + Văn bản viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ sẽ có hình thức, nội dung như thế nào?  + Để viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, ta cần chú ý điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ (suy nghĩ cá nhân)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (trả lời miệng)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | * **I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU VĂN BẢN** * **1. Yêu cầu của kiểu văn bản** * ***- Hình thức:*** Đoạn văn * Nội dung: biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn * Hình thức * Do nhiều câu tạo thành * Mở đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng; kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn (“.”, “?”,”…”, “!”) * ***- Nội dung:*** * + Giới thiệu được bài thơ, tác giả (nếu có) * + Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ * + Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,…)   + Có thể sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  ***- Lưu ý***   * Đọc kĩ bài thơ * Xác định yếu tố nội dung, nghệ thuật gây ấn tượng và gợi cảm xúc cho em. * Viết đoạn văn nêu rõ: Cảm xúc của em về nghệ thuật / nội dung của bài thơ? Điều gì mang lại cho em cảm xúc đó? Vì sao? * **2. Bảng kiểm tham khảo** * (phụ lục bảng kiểm bên dưới) |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG 2: PHÂN TÍCH MẪU**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù * 100% HS xác định được cấu trúc của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. * 100% HS hiểu được nhiệm vụ của mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn trong một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. * 80% HS học được cách kết nối giữa các chi tiết, hình ảnh,...để hoàn thiện đoạn văn   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: 100% HS biết yêu thương, trân trọng vẻ đẹp quê hương  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: think-pair-share  - Sản phẩm dự kiến: phiếu học tập số 1 | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: Gv chia 4 nhóm HS  - **Nhiệm vụ 1:** Đọc văn bản mẫu và quan sát các thẻ câu hỏi theo dõi (PHT số 1)  - **Nhiệm vụ 2:** Trả lời các câu hỏi ở PHT số 1 với kĩ thuật Think - pair - share   * THINK: Trả lời cá nhân trong 2 phút * PAIR: Trao đổi với bạn bên cạnh trong 1 phút * SHARE: Chia sẻ trước lớp khi được giáo viên mời   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân và theo cặp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (phiếu học tập số 1)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **II. PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **1. Hình thức:** Đoạn văn  **2. Nội dung**  - Trình bày cảm xúc về một bài thơ bốn chữ  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả  + Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ (cảm xúc về nội dung chính – Hình ảnh người lính hy sinh nơi chiến trường Trường Sơn, cảm xúc về một số yếu tố hình thức nghệ thuật – nghệ thuật ẩn dụ, so sánh, nhịp điệu nhẹ nhàng, êm đềm...)  + Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc (bài thơ ngợi ca sự hy sinh thầm lặng, lớn lao của những người lính). |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG 3: TÌM HIỂU QUY TRÌNH VIẾT**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù * 100% HS xác định được quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. * 80% HS nhớ được dàn ý của một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại – phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: sơ đồ quy trình viết | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: HS thảo luận theo bàn  Dựa vào phần phần tích mẫu và nội dung SGK Tr.53,54, hãy nêu quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ.  - Hoàn thành PHT số 2, thời gian thảo luận: 3 phút  - GV gọi ngẫu nhiên 2 nhóm trình bày, Thời gian trình bày 2 phút/ nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (địa diện nhóm trình bày trong 2 phút)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **III. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT**   1. **1. Chuẩn bị**   - Xem lại nội dung bài thơ  - Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  - Tìm ý:   * Em thích nhất dòng thơ, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ? * Ở dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật? * Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy đem lại cho em những cảm xúc gì?   - Lập dàn ý   * MĐ: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả (nếu có) / Dẫn ra yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc ở dòng, khổ, đoạn thơ hoặc bài thơ. * TĐ: Nêu cảm xúc của em về nội dung hay nghệ thuật đặc sắc của bài thơ * KĐ: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc của bản thân về yếu tố đã mang lại cảm xúc ấy.  1. **3. Viết** 2. - Viết đoạn văn theo dàn ý. Khi viết cần sử dụng từ ngữ sinh động, chính xác cảm xúc của em. 3. **3. Kiểm tra và chỉnh sửa** 4. - Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ, đúng với dàn bài 5. - Tự phát hiện và sửa các lỗi: diễn đạt, chính tả, …. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  - Thời gian: 12 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 60% HS lập được dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ * 40% lập được dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ ở mức chi tiết   + Năng lực chung: 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: HS biết sống yêu thương, trân trọng và yêu cuộc sống; chủ động và tích cực tham gia vào các nhiệm vụ học tập  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Dạy học theo nhóm, kĩ thuật khăn phủ bàn  - Sản phẩm dự kiến: Dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - Lớp chia 4 nhóm  - Mỗi nhóm lập dàn ý cho đoạn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ tự chọn, PHT số 3  Gợi ý: Bài thơ *Mẹ* - Đỗ Trung Lai, *Ông Đồ* - Vũ Đình Liên, *Tiếng gà trưa* – Xuân Quỳnh, *Một mình trong mưa* – Đỗ Bạch Mai….  - Thời gian thảo luận lập dàn ý: 10 phút  - Thời gian trình bày: 2 phút/nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (thảo luận 10 phút)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả theo nhóm (2 phút/ nhóm)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận | **IV. LUYỆN TẬP**  Hoàn thiện dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (BTVN)**  - Thời gian: 3 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù: 100 % HS viết hoàn thiện đoạn văn ở nhà  + Năng lực chung: 70% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.  + Phẩm chất: HS biết sống yêu thương, trân trọng và yêu cuộc sống; chủ động và tích cực tham gia vào các nhiệm vụ học tập  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến (ở nhà): bài viết của HS (đoạn văn) | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: HS thực hiện cá nhân  Dựa vào dàn ý đã lập, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ em ấn tượng.  - HS thực hành viết trên lớp: 5 phút  - Về nhà tiếp tục hoàn thiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả vào tiết sau  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV dặn dò, hướng dẫn | **V. VẬN DỤNG**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ. |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

Mẫu phiếu học tập

* **BẢNG KIỂM YÊU CẦU KIỂU VĂN BẢN VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ.**

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu | Nắm bắt được/ Không nắm bắt được |
| Giới thiệu được nhan đề và tác giả của bài thơ |  |
| Nêu được cảm xúc về nội dung chính của bài thơ |  |
| Nêu được cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật |  |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO  Yêu cầu: Đọc bài tham khảo “*Đồng dao mùa xuân – một bài thơ xúc động về người lính*”  và trả lời các câu hỏi bên dưới.  ***ĐỒNG DAO MÙA XUÂN – MỘT BÀI THƠ XÚC ĐỘNG VỀ NGƯỜI LÍNH***  Đồng dao mùa xuân của Nguyễn Khoa Điềm là bài (thơ viết về người lính hy sinh nơi chiến trường Trường Sơn trong “những năm máu lửa”. Tác phẩm thể hiện tình cảm tiếc thương, sự trân trọng, lòng biết ơn,... với những con người đã hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước. Có nhiều dòng thơ thấm thía nỗi đau mất mát: “*Anh không về nữa”, “Anh vẫn một mình”*, “Anh ngồi lặng lẽ”,... trước sự ra đi của người lính trẻ “Chưa một lần yêu... Còn mê thả diều”. Hình ảnh tôi con các làn da sốt rét và đặc anh bộ đội bình dị, thân quen với màu áo xanh, ba lô con cóc, biệt là “Cái cười hiền lành” khiến nỗi tiếc thương càng thêm sâu sắc. Nhưng bài thơ không để lại cảm giác bị thương, nặng nề nhờ cách tác giả cảm nhận và khắc hoạ hình tượng người chiến sĩ đã hy sinh. Anh vẫn ở bên đồng đội trên con đường chiến đấu: “*Anh thành ngọn lửa/ Bạn suối biếc xanh*, vào vóc dáng núi non hùng vĩ. *“Ngày xuân ngọt lành”* của người lính ấy không bao giờ mất đi mà sẽ từ núi xanh trở về, nhan gia mat. Ai mà sẽ từ núi xanh trở v hồi sinh trong các thế hệ sau, trong mùa xuân đất nước. Những cảm xúc đẹp đẽ không chỉ đọng lại trong tâm hồn người đọc mà còn được nhân lên từ hình thức nghệ thuật đặc sắc của bài thơ. Nhan đề Đồng dao mùa xuân, nhịp điệu của thể thơ bốn chữ, các biện pháp - tu từ so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nói giảm nói tránh,... mang đến cho tác phẩm giọng điệu tươi trẻ của một khúc đồng dao. Người đọc tưởng như nghe vang lên đâu đây lời hát của những đứa trẻ hồn nhiên, tung tăng trên những cánh đồng quê, hạnh phúc ,,, giữ. Những sắc mỏi trong cuộc sống thanh bình được các anh đẹp: núi xanh, tấm áo màu xanh, mai vàng, suối biếc và sức sống bất diệt của mùa xuân, tuổi xuân, ngày xuân cứ ngời lên bất chấp khói lửa, đạn bom. Bài thơ không chỉ ngợi ca sự hy sinh thầm lặng, lớn lao, cao cả của những người lính m còn khẳng định sự tiếp nối thiêng liêng giữa các thế hệ để làm nên đất nước muôn đời. | |
| **Đặc điểm** | **Biểu hiện trong đoạn văn** |
| Hình thức của đoạn văn như thế nào? |  |
| Bố cục bài viết gồm mấy phần? Là những phần nào? |  |
| Nội dung mở đoạn là gì? |  |
| Phần thân đoạn thể hiện nội dung gì? |  |
| Phần kết đoạn thể hiện nội dung gì? |  |
| Người viết đã chọn lựa những chi tiết/ hình ảnh nào để khơi gợi cảm xúc? |  |
| Cảm xúc chủ đạo của người viết về bài thơ ra sao? |  |
| Ngôi kể nào đã được chọn lựa để sử dụng trong đoạn văn? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: SƠ ĐỒ QUY TRÌNH VIẾT**

|  |
| --- |
| Phiếu học tập số 2: SƠ ĐỒ QUY TRÌNH VIẾT   * Yêu cầu: Ghi lại các bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ và ghi rõ các thao tác cần làm trong từng bước. |
|  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (khổ A0)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:  LẬP DÀN Ý CHO ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC  MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ  Yêu cầu:   * Thống nhất chọn 1 bài thơ bốn chữ / năm chữ để trình bày cảm xúc là: *………………………………………………………………………………………………………………..* * Cá nhân lập dàn ý cho đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ đã thống nhất (vào các ô ở viền ngoài) * Cả nhóm thống nhất dàn ý chung của nhóm vào sơ đồ trung tâm | | | |
|  | |  | |
|  | Mở đoạn  Thân đoạn  Kết đoạn | |  |
|  | |  | |

**Ngày dạy: 23/10/2024**

**Tiết : 28**

**BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE:TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học này, học sinh sẽ hiểu:**

Các bước tiến hành 1 bài nói trao đổi về một vấn đề.

**2. Năng lực**

**Sau tiết học này, học sinh sẽ có:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - NL giao tiếp, hợp tác:   * 100% biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp * 70% biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân   - NL tự chủ và tự học:   * 80% biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập | - 100% nhận biết được các bước tiến hành một bài nói trao đổi về một vấn đề.  - 80% nhận xét bước đầu bài nói của mình và của bạn dựa trên mô hình chung của một bài trao đổi về một vấn đề. |

**3. Phẩm chất**

**Sau tiết học này, học sinh biết:**

Sống nhân ái, mến trọng và yêu quý vẻ đẹp của quê hương; yêu cuộc sống.

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp* | *Kĩ thuật* |
| thuyết trình, đàm thoại, dạy học nhóm, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống,... | giao nhiệm vụ, động não, vấn đáp, tóm tắt tài liệu,.... |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS đọc trước bài, thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo phiếu gợi dẫn / phiếu học tập

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:  + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  + Hình thành và phát triển năng lực: Giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Gợi tìm, giải quyết vấn đề  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu một số hình ảnh về các vấn đề thời sự liên quan đến trẻ em. HS cho biết hình ảnh đó nhắc gợi em nhớ đến sự việc/vấn đề nào đang “nóng” gần đây?  C:\Users\hemis\Pictures\Bài 1 - Bầu trời tuổi thơ\_122532583_hinhembe.png  C:\Users\hemis\Pictures\Bài 1 - Bầu trời tuổi thơ\6_01-1600506497598.jpg  C:\Users\hemis\Pictures\Bài 1 - Bầu trời tuổi thơ\Trẻ-em-và-chứng-“nghiện-điện-thoại”11.jpg  - Cảm giác của em khi chứng kiến những sự việc/vấn đề này là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt vào bài.  Thế giới tuổi thơ vô cùng trong sáng và đẹp đẽ, thế nhưng đâu đó vẫn có những vấn đề khiến chúng ta phải băn khoăn: *những bạn nhỏ có một tuổi thơ bất hạnh vì bị bạo hành, tình trạng trẻ em lạm dụng các thiết bị công nghệ và rời xa thế giới tự nhiên, con người sống không có sự bao dung...* Ngày hôm nay, hãy thử trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm, để cùng tìm thấy hướng đi đúng đắn cho mình trong cuộc sống. | HS quan sát các bức ảnh và đưa ra câu trả lời. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **NỘI DUNG 1: CÁCH THỨC TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS hiểu thế nào là trao đổi về một vấn đề * 100% HS xác định được yêu cầu đối với kiểu trao đổi về một vấn đề   + Năng lực chung:   * 80% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phát vấn – đàm thoại  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa câu hỏi / yêu cầu:  - GV chia 4 nhóm  (?) Theo dõi thông tin SGK Tr.54 và kinh nghiệm, kiến thức của bản thân, hãy ghép nối cột A và cột B để hoàn thành yêu cầu cách thức trao đổi một vấn đề mà em quan tâm (PHT số 1)  - Thời gian thảo luận 3 phút  - Trình bày 2 phút /nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS báo cáo kết quả. (trình bày 2 phút / nhóm)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung. GV đưa ra kết luận.  - GV chốt kiến thức  **Đáp án**  1. Yêu cầu kiểu bài: a, c, e, f  2. Các thao tác trao đổi về một vấn đề: b, d,g,h, | **I. Cách thức trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm**  **1. Yêu cầu kiểu bài**  - Lựa chọn được vấn đề cần trao đổi  - Xác định nội dung chính các ý kiến cần trao đổi  - Thực hiện trao đổi thảo luận trong nhóm về vấn đề đó  - Khi trao đổi cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân; đồng thời, tôn trọng các ý kiến khác.  **2. Các thao tác trao đổi về một vấn đề**  **a. Chuẩn bị:**  Chuẩn bị các thông tin liên quan đến vấn đề cần trao đổi  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  - Mở đầu: Nêu vấn đề cần trao đổi  - Thân bài: Trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề cần trao đổi  - Kết thúc: Tóm tắt, khẳng định lại vấn đề đã nêu.  **c. Nói và nghe**   |  |  | | --- | --- | | Người nói | Người nghe | | - Nêu ý kiến của mình  - Trình bày bằng lời; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày hoặc kết hợp trả lời trong từng phần trình bày | - Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói  - Đưa ra phản hồi, ý kiến, trao đổi lại về các chi tiết nội dung mà chưa thấy thuyết phục,... |   **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**   |  |  | | --- | --- | | Người nói | Người nghe | | - Đối chiếu với dàn bài để xem nội dung trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu: diễn đạt, ngôn ngữ, cử chỉ,...  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được thông tin từ người nói  - Tập trung chú ý theo dõi, lịch sự khi trao đổi |   **3. Cách thức trình bày bài nói**   1. (phụ lục bảng kiểm bên dưới) |
| **NỘI DUNG 2: CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  - Thời gian: 20 phút  - Mục tiêu:  + Học sinh xác định các bước tiến hành 1 bài nói, thực hành tìm ý cho mỗi bước.  + Hình thành và phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, sáng tạo, hợp tác, cảm thụ thẩm mĩ.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, làm việc cá nhân  - Sản phẩm dự kiến: Phiếu ý tưởng bài nói | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - HS thảo luận theo 4 nhóm  + Nhóm 1, 2 - Vấn đề 1: Bạo hành và xâm hại trẻ em.  + Nhóm 3, 4 - Vấn đề 2: Trẻ em và chứng “nghiện” smartphone.  - Các nhóm HS tiến hành chuẩn bị bài nói theo hướng dẫn ở Phiếu học tập số 2.  - Thời gian thảo luận: 10 phút  - Trình bày 3 phút / nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm HS báo cáo kết quả (3 phút / nhóm)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, góp ý dựa trên kết quả thảo luận của HS và giải đáp thắc mắc của HS nếu có | **II. CHUẨN BỊ BÀI NÓI**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | | **Yêu cầu** | **Lưu ý** | | **Chuẩn bị trước khi nói** | Xác định một số yếu tố | Trao đổi về một vấn đề em quan tâm | Trả lời những câu hỏi gợi ý để định hướng được nội dung bài nói, tăng hiệu quả giao tiếp | | Xác định không gian, thời gian | Trình bày ở đâu? Thời gian nói bao lâu? | | Xác định người nghe | Trình bày cho ai nghe? | | Xác định mục đích nói | Trình bày để làm gì? | | Tìm ý, lập dàn ý | Xem lại phần kĩ năng viết đã học | Có thể sử dụng thêm hình ảnh minh họa / trang phục… phối hợp để phần trình bày hấp dẫn, sinh động hơn | | **Luyện tập và trình bày bài nói** | Có thể đứng trước gương trình bày hoặc trình bày cho bạn nghe | | Chú ý cách kết hợp giọng điệu, cử chỉ, nét mặt,… khi trình bày | | **Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi nói** | Sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét cho bạn | | Chú ý tính khách quan, khoa học, tránh chủ quan, cực đoan khi nhận xét | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **TRÌNH BÀY BÀI NÓI & ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**  - Thời gian: 40 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù: 30% HS trình bày được bài nói trên lớp đạt yêu cầu * Năng lực chung: * 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. * 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.   + Phẩm chất: 100% HS thêm yêu mến, trân trọng truyền thống của dân tộc, biết ơn những anh hùng có công với đất nước.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại – phát vấn  - Sản phẩm dự kiến: bài nói của HS các nhóm và phần nhận xét, đánh giá dựa trên bảng kiểm của các nhóm. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - HS thực hiện trình bày bài nói theo nhóm  - Nhóm 1, 3 cử đại diện trình bày bài nói đã được chuẩn bị   * Thời gian: 10 phút. * Nhóm 2, 4 lắng nghe và phản hồi nhóm 1, 3.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày bài nói theo nhóm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét, bổ sung phần trình bày bài nói của các nhóm dựa trên bảng kiểm  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận những ưu điểm và những tồn tại cần điều chỉnh trong kỹ năng nói nghe của HS; nhắc lại cách thức thực hiện và đánh giá kỹ năng trao đổi về một vấn đề | **III. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **IV. ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM**  - Đánh giá dựa trên bảng kiểm  - Rút kinh nghiệm |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  - Thời gian: 5 phút.  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù: 70% HS trình bày được bài nói qua hình thức quay video. * Năng lực chung: 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.   + Phẩm chất: 100% HS thêm yêu mến, ngôn ngữ dân tộc  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: giải quyết vấn đề. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS tiếp tục luyện tập sau giờ học.  GV chỉ định một vài học sinh quay video bài nói và gửi lại cho GV.  Yêu cầu:  + HS vận dụng kĩ năng nói và nghe để đưa ra quan điểm của em về một vấn đề liên quan đến tuổi học trò. Khuyến khích sử dụng đạo cụ, hình ảnh minh họa, trang phục…  + Video quay rõ tối thiểu là chân dung học sinh, quay ngang điện thoại  + Âm thanh rõ, không lẫn tạp âm  + Độ dài video không quá 10 phút  + Hạn nộp: sau 1 tuần  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ sau giờ học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS nộp sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV tổ chức chia sẻ trực tuyến cho HS trong lớp về sản phẩm của các nhóm, bình chọn online những bài nói ấn tượng; chia sẻ trên lớp trong giờ chuyên đề / tăng cường  - HS khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, kết luận về kỹ năng trao đổi về một vấn đề | **V. VẬN DỤNG**  HS thực hành ở nhà: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm. |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu phiếu học tập

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: CÁCH THỨC TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ | | |
| **CỘT A** |  | **CỘT B** |
| **1. Yêu cầu kiểu bài** | a | - Lựa chọn được vấn đề cần trao đổi |
| **2. Các thao tác trao đổi về một vấn đề** | b | Chuẩn bị: Chuẩn bị các thông tin liên quan đến vấn đề cần trao đổi |
|  | c | - Thực hiện trao đổi thảo luận trong nhóm về vấn đề đó |
|  | d | Tìm ý và lập dàn ý  - Mở đầu: Nêu vấn đề cần trao đổi  - Thân bài: Trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề cần trao đổi  - Kết thúc: Tóm tắt, khẳng định lại vấn đề đã nêu. |
|  | e | - Khi trao đổi cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân; đồng thời, tôn trọng các ý kiến khác. |
|  | f | - Xác định nội dung chính các ý kiến cần trao đổi |
|  | g | Nói và nghe   |  |  | | --- | --- | | ***Người nói*** | ***Người nghe*** | | - Nêu ý kiến của mình  - Trình bày bằng lời; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe sau khi trình bày hoặc kết hợp trả lời trong từng phần trình bày | - Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói  - Đưa ra phản hồi, ý kiến, trao đổi lại về các chi tiết nội dung mà chưa thấy thuyết phục,... | |
|  | h | Kiểm tra và chỉnh sửa   |  |  | | --- | --- | | ***Người nói*** | ***Người nghe*** | | - Đối chiếu với dàn bài để xem nội dung trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu: diễn đạt, ngôn ngữ, cử chỉ,...  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được thông tin từ người nói  - Tập trung chú ý theo dõi, lịch sự khi trao đổi | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BẢNG KIỂM KỸ NĂNG: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ | Đạt | KĐ |
| Bài trình bày có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |  |
| Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói. |  |  |
| Đưa ra được lý lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Nói rõ ràng, rành mạch, đúng thời gian. |  |  |
| Người kể tự tin, sử dụng cử chỉ, điệu bộ hợp lý. |  |  |
| Ghi nhận, phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi. |  |  |
| Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe. |  |  |

**HIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: CHUẨN BỊ NÓI**  Yêu cầu: Thảo luận nhóm trong vòng 10 phút để hoàn thành phần trống trong bảng. | | | |
| **Các bước** | | **Yêu cầu** | **Lưu ý** |
| **Chuẩn bị trước khi nói** | Xác định  đề tài | - Nhóm em chọn vấn đề nào?  *……………………………………………………………*… | Trả lời những câu hỏi gợi ý để định hướng được nội dung bài nói, tăng hiệu quả  giao tiếp |
| Xác định không gian, thời gian | Trình bày?  *……………………………………………………………*…  Thời gian trình bày bao lâu?  *……………………………………………………………...* |
| Xác định người nghe | Trình bày cho ai nghe?  *……………………………………………………………*… |
| Xác định  mục đích nói | Trình bày để làm gì?  *……………………………………………………………* |
| Tìm ý,  lập dàn ý | *Ý tưởng:*  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *Lập dàn ý:*  Mở đầu:  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  Nội dung:  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  Kết thúc:  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*…  *……………………………………………………………*… | Ý tưởng sử dụng thêm hình ảnh minh họa / trang phục… phối hợp để phần trình bày hấp dẫn, sinh động hơn: *……………………………………………………………*…….................  *……………………………………………………………*…….................  *……………………………………………………………*…….................  *……………………………………………………………*…….................  *……………………………………………………………*……................. |
| **Luyện tập và trình bày**  **bài nói** | Có thể đứng trước gương trình bày hoặc trình bày cho bạn nghe | | Chú ý cách kết hợp giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, … khi trình bày |
| **Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi nói** | Sử dụng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét cho bạn | | Chú ý tính khách quan, khoa học, tránh chủ quan,  cực đoan khi nhận xét |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ – BẢNG KIỂM BÀI NÓI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt (0 điểm)** | **Đạt (1 điểm)** | **Tốt (2 điểm)** |
| 1. Thể hiện ý kiến của người nói về một vấn đề mà mình quan tâm | Chưa thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề. | Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống. | Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống. |
| 2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng | Chưa đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận. | Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận. | Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu sắc, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận. |
| 3. Nói rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần | Nói rõ nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu | Nói rõ, truyền cảm, hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,….) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, chưa có sự tương tác với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm chưa phù hợp với nội dung trình bày | Điệu bộ tự tin, có sự tương tác với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung trình bày | Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung trình bày |
| 5. Trao đổi tích cực với người nghe | Chưa trao đổi được với người nghe | Trao đổi được với người nghe một số nội dung cơ bản | Trao đổi tích cực về các nội dung mà người nghe đặt ra |
| **TỔNG ĐIỂM:………………../10 ĐIỂM** | | | |

**ÔN TẬP BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**( Hs tự học ở nhà )**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**Sau bài học này, học sinh sẽ củng cố kiến thức về:**

- Một số đặc điểm của thể thơ bốn chữ, năm chữ

- Kĩ năng đọc thể thơ bốn chữ, năm chữ

- Kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ

- Kĩ năng nói và nghe trao đổi về một vấn đề

**2. Năng lực**

**Sau bài học này, học sinh sẽ:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Năng lực chung:* | *Năng lực đặc thù* |
| - Năng lực giao tiếp, hợp tác: 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.  - Năng lực tự chủ và tự học: 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. | - 100% HS nhận biết được một số yếu tố đặc trưng của thơ bốn chữ, năm chữ (số tiếng, số dòng, vần, nhịp,…)  - 80% HS nêu được kĩ năng đọc văn bản thuộc thể thơ bốn chữ, năm chữ  - 90% HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ  - 60% HS trình bày được ý nghĩ/ đánh giá của bản thân về một vấn đề. |

**3. Phẩm chất**

**Sau bài học này, học sinh sẽ:**

100% HS biết trân trọng, yêu mến và tự hào về quê hương, đất nước; yêu cuộc sống

**B. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Phương pháp:* | *Kỹ thuật* |
| Phát vấn – đàm thoại; dạy học theo nhóm | Động não, think-pair-share |

**C. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

- Hình thức tổ chức: hình thức làm việc trên lớp theo nhóm, làm việc cá nhân.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập

- Chuẩn bị khác: HS chuẩn bị nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV ở nhà, lên lớp báo cáo trong tiết ôn tập (làm phiếu thực hành đọc mở rộng theo thể loại)

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Tổ chức hoạt động | |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  - Thời gian: 5 phút  - Mục tiêu:  + Kích hoạt tri thức nền về kiến thức bài 2 (thơ bốn chữ, năm chữ)  + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phương pháp phát vấn – đàm thoại, kỹ thuật think-pair-share  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - Chia sẻ điều em tâm đắc nhất sau khi học xong bài số 2 – thơ bốn chữ, năm chữ. Điều tâm đắc ấy có thể là 1 đơn vị kiến thức/ 1 hình ảnh/ 1 từ khóa/ 1 thông điệp… có hoặc liên quan đến bài 2 và giải thích sự lựa chọn của mình  THINK: HS suy nghĩ cá nhân  PAIR: HS chia sẻ cặp đôi với bạn trong 1 phút  SHARE: HS chia sẻ toàn lớp trong 1 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, dẫn vào các hoạt động ôn tập | Tạo tâm thế bắt đầu tiết ôn tập |
| **HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP** | |
| **NỘI DUNG 1: ÔN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN**  **THUỘC THỂ THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  - Thời gian: 15 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 90% HS nhận diện được các yếu tố của thể thơ bốn chữ, năm chữ * 80% HS khái quát được kĩ năng đọc thể thơ bốn chữ, năm chữ thông qua các văn bản đã khám phá * 70% HS biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe * 100% HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ * 60% HS trao đổi về một vấn đề đời sống một cách sinh động   + Năng lực chung:   * 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. * 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.   + Phẩm chất: 100% HS biết sống nhân ái, yêu cuộc sống thông qua việc khám phá các bài thơ bốn chữ, năm chữ  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề.  - Sản phẩm dự kiến: bài làm của HS | |
| **NHẮC LẠI TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  **- Nhiệm vụ 1:** Nêu 3 đặc điểm mà em cho là đặc trưng nhất của thể thơ bốn chữ, năm chữ  **- Nhiệm vụ 2:** Chia sẻ kinh nghiệm đọc thể thơ bốn chữ, năm chữ của em.  **- Nhiệm vụ 3:** Chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hành đọc mở rộng theo thể loại của em.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ 1,2,3 tại lớp, nhiệm vụ 4 phải được hoàn thành ở nhà trước khi lên lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận | 1. **I. TRI THỨC NGỮ VĂN** 2. **1. Tri thức thể loại** 3. Xem lại phiếu học tập đã phát ở các tiết dạy kĩ năng đọc. 4. **2. Lưu ý cách đọc văn bản thuộc thể thơ bốn chữ, năm chữ**  |  | | --- | | 1. Tìm và nhận xét hiệu quả của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và vần, nhịp được sử dụng. | | 2. Xác định tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua bài thơ. | | 3. Xác định chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc |  1. **3. Tri thức tiếng Việt** 2. Xem lại nội dung đã ghi ở bài trước |
| **NỘI DUNG 2: ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT KIỂU BÀI**  **VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  - Thời gian: 8 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù: 100% HS hiểu được đặc điểm kiểu bài và quy trình viết kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. * Năng lực chung: * 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. * 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. * Phẩm chất: 80% HS rèn được tính cẩn thận – lập dàn ý trước khi viết bài   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phát vấn – đàm thoại, tia chớp  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời của HS về yêu cầu kiểu bài | |
| **ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra: TRÒ CHƠI ĐÔI MẮT TINH ANH  - GV chia lớp thành 4 đội chơi  - Trong trò chơi, các đội sẽ cần ghép các thẻ bài thông tin với nhau để nêu được những yêu cầu kiểu bài và quy trình viết kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.  - Trò chơi diễn ra trong thời gian 2 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chơi trò chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS nêu những gì mình nhớ về yêu cầu kiểu bài và quy trình của kiểu bài tả cảnh sinh hoạt  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận   |  |  | | --- | --- | | **Thẻ A** | **Thẻ B** | | 1. Sử dụng ngôi kể | Thứ nhất | | 2. Cấu trúc đoạn văn gồm | 3 phần (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn) | | 3. Mở đoạn | Giới thiệu nhan đề, tác giả, cảm xúc chung về bài thơ. | | 4. Thân đoạn | Trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | | 5. Kết đoạn | Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với người viết. | | 6. Các bước chuẩn bị viết đoạn văn | - Xem lại nội dung bài thơ  - Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | | 7. Các bước viết đoạn văn | Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra và chỉnh sửa | | **III. ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  **1. Yêu cầu kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.**  Xem lại phiếu học tập đã phát trong tiết kĩ năng viết.  **2. Quy trình viết của kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.**  Xem lại phiếu học tập đã phát trong tiết kĩ năng viết. |
| **NỘI DUNG 3: ÔN TẬP KĨ NĂNG NÓI - NGHE KIỂU BÀI**  **TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**  - Thời gian: 7 phút  - Mục tiêu:   * Năng lực đặc thù: * 100% HS biết được yêu cầu kiểu bài và biết cách thức trình bày suy nghĩ/ ý kiến / đánh giá của mình về một vấn đề * 60% HS trình bày được suy nghĩ/ ý kiến / đánh giá của mình về một vấn đề   + Năng lực chung:   * 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. * 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. * Phẩm chất: 100% HS biết trân trọng, tự hào, yêu mến quê hương, đất nước; yêu cuộc sống.   - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phát vấn đàm thoại, tia chớp  - Sản phẩm dự kiến: câu trả lời, bài nói của HS | |
| **ÔN TẬP KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:**  GV đưa ra: TRÒ CHƠI SIÊU TRÍ NHỚ  - 4 đội chơi ở phần trước sẽ tiếp tục tranh tài với nhau  - Trong trò chơi, các đội sẽ cần nêu được tất cả những gì mình nhớ về yêu cầu kiểu bài và quy trình viết của kiểu bài trao đổi về một vấn đề. Bằng cách điền các từ còn thiếu trong thẻ bài.  - Trò chơi diễn ra trong thời gian 3 phút   |  |  | | --- | --- | | **THẺ BÀI** | **ĐIỀN TỪ** | | 1. Bài trình bày đủ bố cục 3 phần…………. | Mở bài, thân bài, kết bài | | 2. Mở đầu ấn tượng, thu hút đưa ra được……… | vấn đề trao đổi | | 3. Đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng……… | thuyết phục | | 4. Trình bày………, rõ ràng ý kiến của người nói | trực tiếp | | 5. Sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ,.......hợp lý. | điệu bộ | | 6. ………..ý kiến trược sự phản bác của người nghe | bảo vệ | | 7. ghi nhận và phản hồi……những câu hỏi của người nghe. | lịch sự |   **Nhiệm vụ 2:**  1 bạn HS thực hành kĩ năng nói: trao đổi về một vấn đề (đã chuẩn bị ở nhà ở tiết học kĩ năng nói) trong thời gian tối đa 3 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chơi trò chơi và thực hiện nhiệm vụ 2  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả (chia sẻ những kiến thức còn nhớ về kiểu bài, trình bày bài kể chuyện)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận | **III. ÔN TẬP KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ**  **1. Yêu cầu kiểu bài**  HS xem lại bảng kiểm kĩ năng nói và nghe kiểu bài trao đổi về một vấn đề  **2. Quy trình nói – nghe của kiểu bài**  Xem lại phiếu học tập trong tiết kĩ năng nói và nghe kiểu bài trao đổi về một vấn đề. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**  - Thời gian: 10 phút  - Mục tiêu:  + Năng lực đặc thù:   * 100% HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để viết đoạn văn 5-7 câu có kèm yêu cầu tiếng Việt * 90% HS hoàn thành các sản phẩm học tập sáng tạo.   + Năng lực chung:   * 100% HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. * 100% HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.   + Phẩm chất: 100% HS biết yêu mến, tự hào, trân trọng quê hương cũng như tham gia các hoạt động học tập tích cực  - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: phương pháp phát vấn - đàm thoại, kĩ thuật động não  - Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS, bài viết ngắn của HS | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra câu hỏi / yêu cầu:  - **Nhiệm vụ 1**: HS báo cáo sản phẩm viết ngắn ở tiết thực hành tiếng Việt/ tiết tự đánh giá/ khám phá văn bản đọc *Tiếng gà trưa* đã giao về nhà làm (thời gian 7 phút)  - **Nhiệm vụ 2:** HS trưng bày và chia sẻ/ giới thiệu về sản phẩm dự án “DÒNG CHẢY THỜI GIAN” mà mình đã làm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ báo cáo sản phẩm và chia sẻ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 1 HS báo cáo sản phẩm đoạn văn  - 2 HS chia sẻ suy nghĩ, giới thiệu về ấn phẩm mình đã làm  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, góp ý, bổ sung, kết luận | **IV. VẬN DỤNG**  **1. Báo cáo sản phẩm viết ngắn**  **2. Trao đổi về nội dung tâm đắc của bài học / chủ đề** |

**E. RÚT KINH NGHIỆM**

**1. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm**

**2. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy**

**F. PHỤ LỤC**

- Tư liệu sử dụng

- Mẫu phiếu học tập

**PHIẾU THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI  **Yêu cầu: Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới.** |
| *MẦM NHỎ*  *Dưới vỏ một cành bàng*  *Còn một vài lá đỏ*  *Một mầm non nho nhỏ*  *Còn nằm nép lặng im*  *Mầm non mắt lim dim*  *Cố nhìn qua kẽ lá*  *Thấy mây bay hối hả*  *Thấy lất phất mưa phùn*  *Rào rào trận lá tuôn*  *Rải vàng đầy mặt đất*  *Rừng cây trông thưa thớt*  *Thấy chỉ cội với cành*  *Một chú thỏ phóng nhanh*  *Chạy nấp vào bụi vắng*  *Và tất cả im ắng*  *Từ ngọn cỏ làn rêu...*  *Chợt một tiếng chim kêu:*  *- Chíp chiu chiu! Xuân đến!*  *Tức thì trăm ngọn suối*  *Nổi róc rách reo mừng*  *Tức thì ngàn chim muông*  *Nổi hát ca vang dậy*  *Mầm non vừa nghe thấy*  *Vội bật chiếc vỏ rơi*  *Nó đứng dậy giữa trời*  *Khoác áo màu xanh biếc...*  (Võ Quảng)  **Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Nêu đặc điểm của thể thơ đó trong khổ thơ thứ nhất của bài.  **Câu 2.** Bài thơ viết về điều gì? Yếu tố tự sự có ý nghĩa như thế nào trong bài thơ trên?  **Câu 3.** Trong bài thơ, tác giả có sử dụng rất nhiều từ láy. Hãy gạch chân dưới 5 từ láy mà em tìm được và cho biết tác dụng của việc sử dụng các từ láy đó trong bài thơ.  **Câu 4.** Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nổi bật nào? Xác định các từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó và nêu rõ tác dụng.  **Câu 5.** Viết đoạn văn ngắn khoảng 8 câu, nêu cảm nhận của em về bốn câu thơ cuối của bài thơ. |

|  |
| --- |
| GỢI Ý TRẢ LỜI  PHIẾU HỌC TẬP THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI |
| **Câu 1.** Bài thơ là thể thơ năm chữ  - Phân tích khổ thơ 1:  + Mỗi câu thơ gồm 5 tiếng  + Ngắt nhịp: 2/3,3/2  + Gieo vần chân: đỏ - nhỏ  **Câu 2.** Bìa thơ viết về sự ra đời của một mầm non nho nhỏ khi mùa xuân đến giữa một khung cảnh thiên nhiên bên ngoài kẽ lá vô cùng sinh động. Yếu tố tự sự trong bài thơ giúp người đọc hình dung ra được sự biến đổi của mầm non theo thời gian (từ khi còn đang im lìm trong đất, theo thời gian khi mùa xuân đến thì mầm non đã bật lên, đứng giữa trời, khoác áo màu xanh biếc).  **Câu 3.** Học sinh tìm 5 từ láy bất kì: nho nhỏ, lim dim, hối hả, thưa thớt, lất phất, rào rào,….  🡪 Các từ láy giúp thể hiện hình ảnh, trạng thái, âm thanh…..một cách sinh động hơn.  **Câu 4.**  - Biện pháp nghệ thuật nhân hóa. Mầm non được nhân hóa qua các từ ngữ: *nằm nép lặng im, mắt lim dim, nhìn, thấy, nghe thấy, đứng dậy, khoác áo*  **Câu 5.**  - Đoạn văn đảm bảo dung lượng khoảng 8 câu  - Nội dung: Học sinh nêu được cảm nhận về bốn câu thơ cuối  + Biện pháp nghệ thuật: Nhân hóa  🡪 Tác dụng: Giúp hình ảnh của mầm non trở nên gần gũi, sống động, có hồn. Mầm non như một loài vật trải qua giấc ngủ đông dài đằng đẵng nay mùa xuân đến vội bật tung lớp chăn xù xì, xám xịt, khô héo để hiên ngang đứng dậy giữa đất trời, khoác chiếc áo màu xanh biếc căng đầy sức sống.  + Hình ảnh mầm non “đứng dậy” rồi “khoác áo màu xanh biếc” là một hình tượng đẹp và khỏe, tượng trưng cho sức sống mùa xuân, vẻ đẹp thanh xuân và tinh khôi của thiên nhiên. |